

BIA SAIGON®

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY

Địa chỉ: Khu công nghiệp Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ

Số điện thoại: 07103 843 333 - Fax: 07103 843 222

Website: www.wsb-sabeco.com.vn

Email: wsb@vnn.vn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NGK SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015



**BIA
SAIGON.**

**VỀ HỢP THỜI
VỊ TRUYỀN THỐNG**

BIER · BIA
SAIGON
export

BIER · BIA · BIRRA · BEER · BIA
SAIGON
export

BIER · BIA
SAIGON

BIER · BIA
SAIGON
LAGER

BIER · BIA · BIRRA · BEER · BIA
SAIGON
LAGER

BIER · BIA · BIRRA · BEER

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CÔNG TY

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN

BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

ISO 9001:2000 - ISO 29000:2005 - ISO 14001:2004

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
WSB**

ISO 9001:2000

Địa chỉ: Khu CN Trà Nóc - TP. Cần Thơ

Điện thoại: (071)843333 - Fax: (071)843222

Email: wsb@vnn.vn



“ Đến thời điểm hiện tại, Công ty có 02 Nhà máy Bia tổng công suất đạt 100 triệu lít/năm với thiết bị đồng bộ, công nghệ châu Âu tiên tiến. ”



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Tên giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

Tên tiếng Anh

WESTERN - SAI GON BEER JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt

WESABECO

Logo



Giấy chứng nhận ĐKKD số

57030000144 do Sở KH&ĐT TP Cần Thơ cấp ngày 13/04/2005, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/09/2008

Vốn điều lệ

145.000.000.000 VNĐ

Vốn chủ sở hữu

459.901.415.297 VNĐ

Địa chỉ

Khu công nghiệp Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

Số điện thoại

0710 3 843 333

Số fax

0710 3 843 222

Website

www.wsb-sabeco.com.vn

Email

wsb@vnn.vn

Mã cổ phiếu

WSB

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2002



- ◆ Tiền thân là Nhà Máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ được thành lập năm 2000 và Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng được thành lập năm 1995. Cả hai Nhà máy đều là Nhà máy trực thuộc Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn.

2005



- ◆ Mô hình hoạt động của Nhà Máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ, theo giấy đăng ký kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư TP Cần Thơ cấp ngày 13/04/2005, có vốn điều lệ là 90.000.000.000 đồng, trong đó Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ.
- ◆ Mô hình hoạt động của Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, theo giấy đăng ký kinh doanh số 5903000034 do Sở Kế Hoạch & Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/04/2005 có vốn điều lệ là 55.000.000.0000 đồng, trong đó Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ.

2006



- ◆ Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Tây được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty CP Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Công ty CP Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, theo giấy đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 1 số 5703000144 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư TP Cần Thơ cấp ngày 06/06/2006 với vốn điều lệ là 145.000.000.000 đồng, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần, trong đó Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ.

2007

- ♦ Vào tháng 2 năm 2007, CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây góp vốn thành lập Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu, giữ 20% vốn điều lệ và trở thành Công ty liên kết với đơn vị này.
- ♦ Vào tháng 6 năm 2007, chính thức trở thành Công ty đại chúng (29/06/2007).



2010



- ♦ Cổ phiếu của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây chính thức giao dịch trên sàn UPCoM với mã chứng khoán WSB vào ngày 10/08/2010.

2014

- ♦ Ngày 01/01/2014, Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng 2 (thuộc Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng) chính thức đi vào hoạt động, với công suất thiết kế 50 triệu lít/năm, sản phẩm sản xuất thương mại là Bia lon.



2015



- ♦ Ngày 01/01/2015, Dự án “Đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ” hoàn thiện và đi vào hoạt động với công suất 50 triệu lít/năm, sản phẩm chính của Nhà máy là Bia chai Sài Gòn các loại

GIẢI THƯỜNG

- Cờ thi đua “**Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2015**” của Bộ Công Thương trao tặng cho tập thể: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ.



- Huân chương lao động hạng ba cho tập thể Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng;
- Cờ thi đua “**Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2014**” do Bộ Công Thương trao tặng cho các tập thể: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây, Nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ, Nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng.

- Huân chương lao động hạng ba cho tập thể CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây, NM bia Sài Gòn - Cần Thơ và Nhà máy bia Sài Gòn - Sóc Trăng;
- Cờ thi đua “**Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2013**” do Bộ Công Thương trao tặng cho 03 tập thể: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây, NM bia Sài Gòn - Cần Thơ & NM bia Sài Gòn - Sóc Trăng đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ công tác khác trong năm 2013;
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương cho 03 tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013 bao gồm: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây, NM bia Sài Gòn - Cần Thơ & NM bia Sài Gòn - Sóc Trăng.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG

- ◆ Sản xuất kinh doanh các loại bia, rượu, cồn và nước giải khát.
- ◆ Kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu.
- ◆ Kinh doanh địa ốc, kinh doanh nhà hàng, văn phòng, nhà kho bãi.
- ◆ Chế biến, kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi trồng thủy hải sản.
- ◆ Kinh doanh vật tư nguyên liệu, phụ tùng chuyên ngành sản xuất bia, nước giải khát.
- ◆ Vận tải hàng hóa đường bộ.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

- ◆ Các tỉnh Phía nam Sông Hậu như: Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang..

Trụ sở chính

KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc,
Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ

NM Bia Sài Gòn – Cần Thơ

Khu Công Nghiệp Trà Nóc,
P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy,
TP. Cần Thơ



NM Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Địa chỉ: 483 Quốc lộ 1A,
P2, TP. Sóc Trăng, tỉnh
Sóc Trăng.



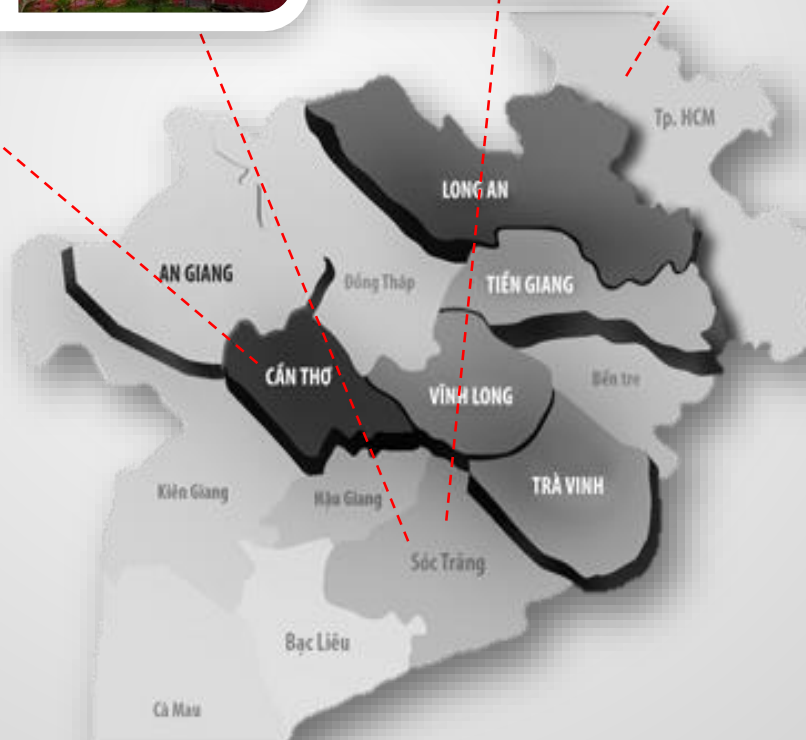
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Lô S, Khu Công Nghiệp An
Nghiệp, xã An Hiệp, huyện
Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

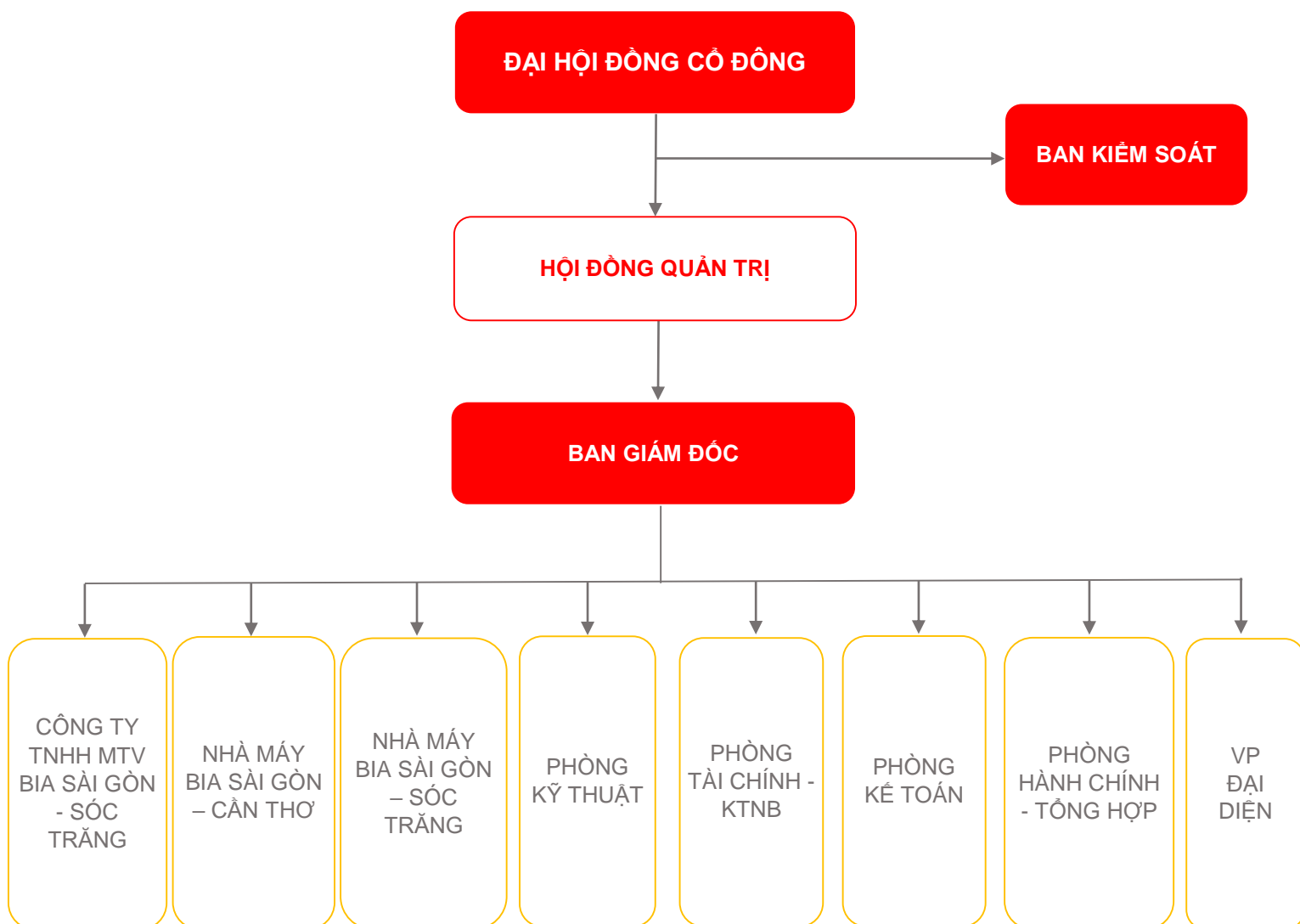


Văn phòng đại diện tại TP.HCM

Địa chỉ: LL1G1 Ba Vi,
P15, Q10, TP.HCM



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Ghi chú

- ◆ Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng là đơn vị có tài khoản riêng, hạch toán độc lập.
- ◆ Nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng có tài khoản riêng, hạch toán phụ thuộc.
- ◆ Nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ hoạt động theo điều lệ của Công ty.
- ◆ Các phòng chức năng của Công ty kiêm nhiệm các phòng chức năng của Nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ.

CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Địa chỉ: Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Lĩnh vực sản xuất chính: sản xuất bia, rượu, cồn...

Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 100%



CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Địa chỉ: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Lĩnh vực sản xuất chính: sản xuất bia, rượu, cồn...

Vốn điều lệ: 80.080.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 20%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Về công tác thị trường

Trong quá trình hội nhập kinh tế thị trường như hiện nay, việc khẳng định thương hiệu và tăng trưởng thị phần là mục tiêu mà Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây cùng Tổng công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn đặt lên hàng đầu. Vì vậy, Công ty đã luôn nỗ lực củng cố và hoàn thiện các chiến lược kinh doanh, không ngừng tìm hiểu và khảo sát thị trường nâng cao chất lượng sản phẩm để phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng đồng thời phát huy và giữ vững thế mạnh thị trường vốn có, đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu sản phẩm của Tổng Công ty.

Trong năm 2016, Công ty đặt mục tiêu sẽ chung sức cùng Tổng Công ty tiếp tục phấn đấu đẩy mạnh việc tăng thị phần bia Sài Gòn trong nước và hướng tới xuất khẩu sang thị trường các nước trong khu vực.

Về sản xuất

Trước yêu cầu cao về mặt chất lượng sản phẩm của thị trường, Công ty luôn cố gắng củng cố hệ thống dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, khai thác tối ưu nguồn lực hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường. Thực tế, trong năm 2014, tại 02 nhà máy Cần Thơ và Sóc Trăng, Công ty đã đầu tư các trang thiết bị mới và hiện đại. Trên cơ sở đó, Công ty cam kết cung cấp cho thị trường các sản phẩm mang thương hiệu Bia Sài Gòn với chất lượng tốt nhất.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện triệt để việc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi trường; duy trì thực hiện hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2008, 22000:2005 và 14001:2004.

Về đào tạo nguồn nhân lực

Phát huy nội lực, kiện toàn bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa không những giỏi về chuyên môn mà còn năng động, nhiệt huyết để cùng với Công ty tạo ra những bước đột phá mới trong tương lai.

Quan tâm chăm lo sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty, tạo điều kiện làm việc, học tập tốt nhất, đảm bảo ổn định đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Bảo đảm sự phát triển bền vững và ổn định cho công ty bằng việc cùng với Tổng Công ty quảng bá thương hiệu; nâng cao chất lượng sản phẩm; đầu tư phát triển sản phẩm mới tạo ra sự đa dạng, mang lại sự lựa chọn phong phú cho người tiêu dùng; phục vụ được mọi đối tượng từ bình dân cho đến cao cấp, mở rộng thị trường tiêu thụ.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Đối với cộng đồng, xã hội

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn đóng vai trò tích cực trong các hoạt động xã hội, cùng với Tổng Công ty xây dựng thông điệp **“Bia Sài Gòn chung tay với cộng đồng”**. Công ty hy vọng rằng, với những nỗ lực vì cộng đồng trong những năm qua như phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh Hùng, xây nhà tình thương cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp kinh phí cho chương trình “Chung sức bảo vệ biển đảo”... và sẽ còn tiếp tục thực hiện cho những năm tiếp theo với những việc làm thiết thực, góp phần cùng xã hội xây dựng một nước Việt Nam phát triển bền vững.

Đối với môi trường

Với mong muốn thực hiện trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường, Công ty đã đầu tư hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải với công nghệ cải tiến. Đồng thời, phong cách thiết kế Nhà máy luôn hướng tới môi trường sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng.

Duy trì và phát huy việc sử dụng nguồn nguyên nhiên liệu tự nhiên (như sử dụng hơi đốt bằng trấu) thay cho dầu FO nhằm tiết kiệm chi phí và hạn chế chất thải có hại ra môi trường.

Không sử dụng các thiết bị làm lạnh sử dụng CFC làm ảnh hưởng tới tầng ozon.

Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về công tác kiểm tra, giám sát môi trường thường xuyên và định kỳ để kịp thời có các biện pháp xử lý nhằm đảm bảo môi trường sản xuất.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Vì không phải mặt hàng thiết yếu nên việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào thu nhập của người dân. Khi thu nhập tăng, việc chi tiêu cho các loại đồ uống sẽ nhiều hơn, thị hiếu lựa chọn cũng đa dạng hơn và ngược lại. Trong năm 2015, tăng trưởng GDP đạt 6,68%, cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 – 2014 cho thấy nền kinh tế đã phục hồi rõ nét đem lại những ảnh hưởng tích cực cho tình hình kinh doanh của Công ty.

Rủi ro tỷ giá

Do nguồn nguyên liệu dùng để sản xuất của Công ty đến từ nhập khẩu chiếm 60 - 70%, những biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng mạnh đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Diễn hình như nếu tăng giá nhập khẩu malt, hoa houblon,... dùng để sản xuất bia, chi phí sản xuất sẽ tăng, ảnh hưởng tới lợi nhuận của công ty.

Trong năm 2015, tỷ giá gặp nhiều biến động, vượt 3,34% so với mục tiêu 2% đề ra của NHNN. Nguyên nhân cho việc tăng vượt mức này là do sức ép lớn từ việc phá giá của đồng Nhân dân tệ và quyết định điều chỉnh lãi suất tăng thêm 0,25% của Cục dự trữ liên bang Mỹ. Dự báo trong năm 2016, sức ép tỷ giá sẽ tiếp tục tăng do thâm hụt cán cân thương mại và cán cân thanh toán, đồng Nhân dân tệ tiếp tục mất giá và Cục dự trữ liên bang Mỹ có khả năng sẽ tiếp tục tăng lãi suất. Chính vì vậy, Công ty phải theo dõi sát sao diễn biến của tỷ giá và đẩy mạnh việc kiểm soát rủi ro này.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất là một rủi ro đáng quan tâm với các doanh nghiệp có nợ vay vì đây có thể sẽ là nhân tố khiến lợi nhuận sụt giảm đột biến nếu không được quản lý tốt.

Với tổng các khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2015 là 245,5 tỷ đồng được dùng để đầu tư cho dự án đồng bộ hóa Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít/năm và dự án Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng nên việc lãi suất biến động sẽ gây ảnh hưởng lớn đến chi phí tài chính trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Sự cạnh tranh trên thị trường cũng là một nỗi lo ngại khi hiện nay trên thị trường xuất hiện nhiều thương hiệu mạnh cùng chủng loại, không chỉ từ các thương hiệu nội địa mà còn từ phía các thương hiệu tên tuổi nước ngoài. Việc hội nhập kinh tế mạnh mẽ như hiện nay đặt ra cho Công ty một vấn đề, đó là một bộ phận khách hàng thu nhập cao có xu hướng ưa chuộng các sản phẩm ngoại; vì vậy những sản phẩm trong nước nếu không bắt kịp xu hướng sẽ có nguy cơ sụt giảm thị phần.

Rủi ro khác

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh...

Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của Công ty.





GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO

- Không ngừng quan sát, tìm hiểu thị trường tại khu vực, nắm bắt thị hiếu của người tiêu dùng. Thực hiện khảo sát và lắng nghe các ý kiến khách hàng, để có những kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp, hướng dẫn nhà phân phối, các điểm bán thực hiện tốt khâu bảo quản nhằm giữ ổn định chất lượng sản phẩm.
- Phát triển các chiến dịch quảng bá thương hiệu theo định hướng của Tổng Công ty, giúp người tiêu dùng dễ dàng nhận biết thương hiệu Bia Sài Gòn.
- Đề ra các phương án dự phòng cho các trường hợp tỷ giá biến động nhằm hạn chế những ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Điều hành dòng tiền hợp lý, tập trung tối đa dòng tiền có được sau khi đảm bảo công tác sản xuất của các nhà máy ổn định để trả nợ vay ngân hàng, giảm bớt áp lực lãi suất.
- Nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động để ngăn chặn tình trạng cháy nổ hay tai nạn lao động ...
- Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với công tác bảo vệ môi trường và thân thiện với thiên nhiên, giảm tối thiểu tác hại từ hoạt động sản xuất đến môi trường sống chung quanh.







TÌNH HÌNH

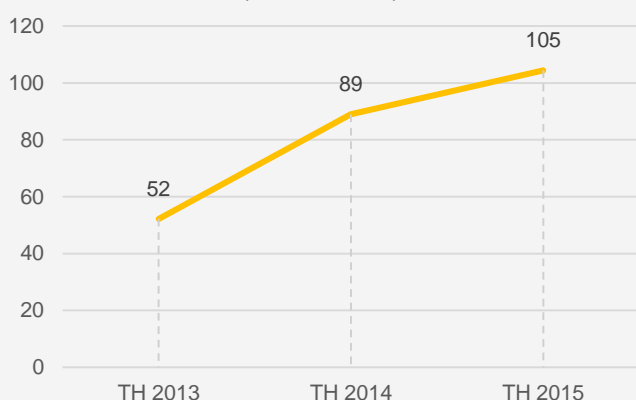
HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



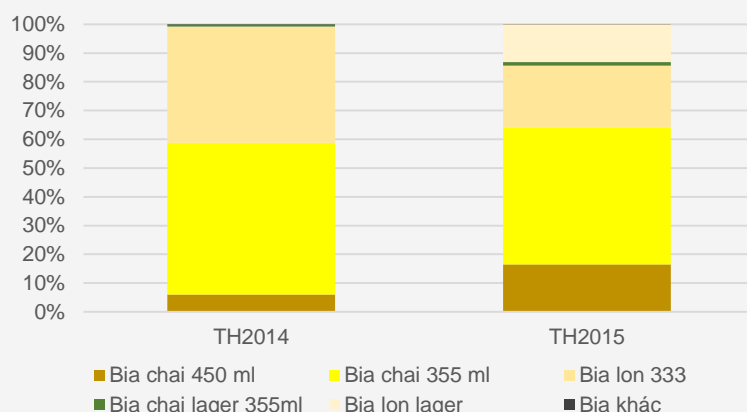
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2014	KH 2015	TH 2015	TH2015/ TH2014	TH2015/ KH2015
1	Sản lượng bia sản xuất và tiêu thụ	Lít					
	Sản lượng bia sản xuất	Lít	89.233.605	95.000.000	104.542.846	117,16%	110,05%
	<i>Bia chai 450ml</i>	Lít	5.416.560	20.000.000	17.218.656	317,89%	86,09%
	<i>Bia chai 355ml</i>	Lít	47.048.675	39.500.000	49.731.588	105,70%	125,90%
	<i>Bia lon 333</i>	Lít	36.028.238	32.000.000	22.521.827	62,51%	70,38%
	<i>Bia chai lager 355ml</i>	Lít	720.181	3.500.000	1.249.281	173,47%	35,69%
	<i>Bia lon lager</i>	Lít			13.796.648		
	<i>Bia khác</i>	Lít	19.950		24.846		
	Sản lượng bia tiêu thụ	Lít	89.517.225	95.000.000	104.117.493	116,31%	109,60%
	<i>Bia chai 450ml</i>	Lít	5.460.570	20.000.000	17.070.624	312,62%	85,35%
	<i>Bia chai 355ml</i>	Lít	46.970.370	39.500.000	49.197.728	104,74%	124,55%
	<i>Bia lon 333</i>	Lít	36.381.257	32.000.000	23.299.294	64,04%	72,81%
	<i>Bia chai lager 355ml</i>	Lít	685.079	3.500.000	1.122.183	163,80%	32,06%
	<i>Bia lon lager</i>	Lít			13.402.818		
	<i>Bia khác</i>	Lít	19.950		24.846		
2	Tổng doanh thu	Đồng	768.379.508.491	756.462.829.343	832.394.503.023	108,33%	110,04%
	Doanh thu công nghiệp	Đồng	749.240.813.007	735.633.138.901	813.653.995.088	108,60%	110,61%
	Doanh thu khác	Đồng	19.138.695.484	20.829.690.442	18.740.507.935	97,92%	89,97%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	105.285.780.669	71.062.738.610	103.953.941.516	98,74%	146,28%
	Lợi nhuận sản xuất chính	Đồng	101.732.171.734	73.548.643.378	106.684.056.851	104,87%	145,05%
4	Thuế TNDN phải nộp	Đồng	8.286.536.069	5.400.646.449	8.486.709.606	102,42%	157,14%
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	96.999.244.600	65.662.089.161	95.467.231.910	98,42%	145,39%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	66,90	45,28	65,84	98,42%	145,39%
7	Các khoản nộp ngân sách	Đồng	442.828.340.647	585.652.990.223	888.527.290.567	200,65%	151,72%

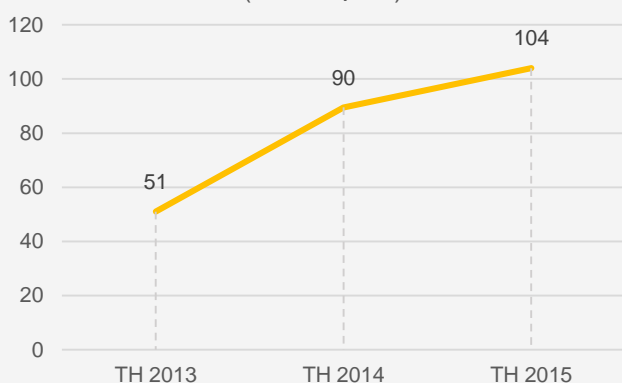
SẢN LƯỢNG BIA SẢN XUẤT
(ĐVT: triệu lít)



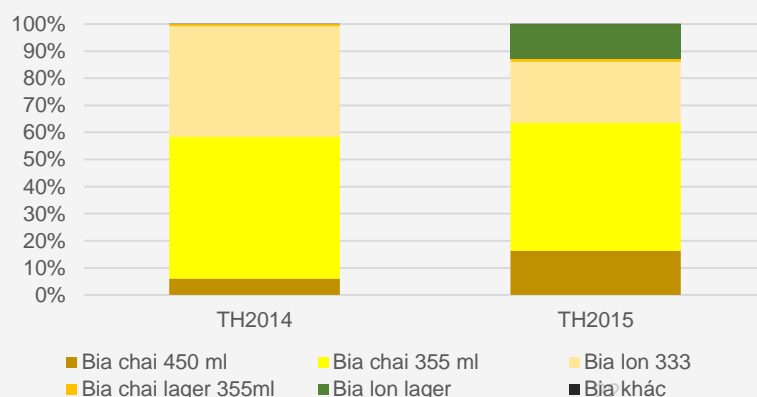
BIỂU ĐỒ CƠ CẤU SẢN LƯỢNG BIA SẢN XUẤT



SẢN LƯỢNG BIA TIÊU THỤ
(ĐVT: triệu lít)



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU SẢN LƯỢNG BIA TIÊU THỤ



**KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC
TRONG NĂM 2015
SO VỚI KẾ HOẠCH ĐỀ RA**

+10,05%
SẢN LƯỢNG
BIA SẢN XUẤT

+9,06%
SẢN LƯỢNG
BIA TIÊU THỤ

+10,04%
TỔNG
DOANH THU



Năm 2015, hơn 100 triệu lít bia đã được sản xuất và tiêu thụ, vượt mức kế hoạch đề ra và vượt hơn 15% so với năm 2014, gần 100% so với năm 2013. Đặc biệt, việc đưa bia lon lager vào sản xuất đã nhận được những phản hồi khá tốt từ phía khách hàng, phản ánh sự nhạy bén trong công tác quản lý của Ban lãnh đạo đồng thời tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của Công ty. Còn về phía những sản phẩm chính của công ty, bia chai 355ml vẫn là sản phẩm được ưa chuộng nhất trên thị trường và có sản lượng tiêu thụ lớn nhất. Trong năm 2015, gần 50 triệu lít bia chai 355ml đã được tiêu thụ, tăng gần 5% so với năm 2014 và tăng 24,55% so với kế hoạch đề ra. Ngoài ra sản phẩm có sự đột phá về lượng tiêu thụ là bia chai lager 450 ml, tăng hơn 200% và bia chai lager 355ml tăng 63,80% so với lượng tiêu thụ năm trước đó. Có thể thấy những sản phẩm của Công ty ngày càng được thị trường ưa chuộng và đánh giá cao.

Nhờ đó, Tổng doanh thu trong năm đạt mức 832,4 tỷ đồng, tăng 8,33% so với cùng kỳ năm trước và tăng 10,05% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 95,5 tỷ đồng, tuy có giảm nhẹ so với năm liền trước nhưng vượt hơn 45% so với chỉ tiêu đề ra từ đầu năm. Bên cạnh đó, Công ty còn đóng góp 888,5 tỷ đồng cho Ngân sách Nhà nước, tăng 100% so với năm 2014 và 50% so với kế hoạch.

+45,39%
LỢI NHUẬN
SAU THUẾ

+46,28%
LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH, THỊ TRƯỜNG VÀ SẢN PHẨM MỚI

Theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm, sản lượng bia sản xuất trong năm 2015 là 95 triệu lít bao gồm 4 sản phẩm là: Bia chai export 355, Bia chai lager 450, Bia chai lager 355, Bia lon 333. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất và tiêu thụ, do nhu cầu thị trường và để tối đa hóa sản lượng sản xuất, đồng thời nâng cao lợi nhuận, Ban điều hành Công ty đã kiến nghị Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn cho Công ty sản xuất thêm mặt hàng Bia lon Sài Gòn Lager nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao sản lượng sản xuất.

Việc thay đổi cơ cấu sản phẩm trong năm đã cho thấy sự nhạy bén của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, bám sát với thị trường và nhu cầu của khách hàng.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư dự án

Đầu tư xây dựng cơ bản công trình: **“Đầu tư bổ sung hệ thống lạnh ghép tầng”**

- Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đầu tư bổ sung hệ thống lạnh ghép tầng theo định hướng tiết kiệm năng lượng.
- Địa điểm: Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ.
- Tổng mức đầu tư là: **13.376.061.875 đồng**.
- Thời gian thực hiện: từ tháng 09/2015 đến tháng 06/2016.

Khi hạng mục đầu tư hoàn thành sẽ đảm bảo tính đồng bộ thiết bị cho Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ công suất 50 triệu lít/năm và tiết kiệm được điện năng tiêu thụ so với hệ thống lạnh hiện hữu khoảng 700 triệu đồng/năm.

Đầu tư mua sắm phụ tùng chuyển đổi máy ghép mí lon 206 qua 202

- Mục đích đầu tư: chuyển đổi để sử dụng vỏ lon 202 thay cho lon vỏ 206 hiện hữu nhằm tiết kiệm chi phí bao bì (trên 3 tỷ đồng/năm).
- Địa điểm: Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
- Tổng mức đầu tư: 4 tỷ đồng
- Thời gian thực hiện: từ tháng 12/2015 đến tháng 05/2016

Đầu tư sửa chữa cải tạo Phòng kiểm nghiệm

- Mục đích đầu tư: Cải tạo phòng kiểm nghiệm của Nhà máy đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2005 theo yêu cầu kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng sản phẩm
- Địa điểm: Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ.
- Tổng mức đầu tư: 1,98 tỷ đồng
- Thời gian thực hiện: Từ tháng 09/2015 đến tháng 01/2016

Và một số hạng mục đầu tư khác nhằm đồng bộ hạ tầng sản xuất kinh doanh cho các nhà máy như: San lấp mặt bằng tại Nhà máy Sóc Trăng, Trạm cân ô tô tải 60 tấn,...



Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

- Công ty con: Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
 - Địa chỉ: Lô S, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
 - Lĩnh vực sản xuất chính: sản xuất bia, rượu, cồn...
 - Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ góp vốn của WSB: 100% vốn điều lệ
- Công ty liên kết: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
 - Địa chỉ: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
 - Lĩnh vực sản xuất chính: sản xuất bia, rượu, cồn,...
 - Vốn điều lệ: 80.080.000.000 đồng
 - Tỷ lệ góp vốn của WSB: 20% vốn điều lệ, tương ứng 1.601.600 cổ phiếu

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

- Đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần Bia –NGK Sài Gòn – Tây đô: 2.020.000 cổ phiếu.
- Đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC: 145.060 cổ phiếu.
- Trong năm, Công ty đã thực hiện thoái vốn 100.000 cổ phần của Công ty cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn để tập trung nguồn vốn vào hoạt động sản xuất chính.

Tổng giá trị của khoản đầu tư tài chính dài hạn này tính đến ngày 31/12/2015 là 12,3 tỷ đồng.

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết năm 2015

Nội dung	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
Tình hình tài chính		
Tổng tài sản	528.978.023.642	426.599.467.768
- Tài sản ngắn hạn	136.287.767.379	208.425.462.336
- Tài sản dài hạn	392.690.256.263	218.174.005.432
Nợ phải trả	455.933.501.262	224.195.864.760
Vốn chủ sở hữu	73.044.522.380	202.403.603.008
Hoạt động kinh doanh		
Tổng doanh thu		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	465.993.650.193	283.275.670.804
- Doanh thu tài chính	391.408.151	1.102.858.213
Lợi nhuận trước thuế	52.234.937.613	53.028.681.466

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2014	TH2015	TH2015/ TH2014
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	759.518	826.049	108,76%
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	622.804	677.770	108,83%
3	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	3.435	120	3,49%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	22.080	31.512	142,72%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	101.527	101.863	100,33%
6	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	3.759	2.091	55,63%
7	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	105.286	103.954	98,73%
8	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	96.999	95.467	98,42%
9	Lãi cơ bản/cổ phiếu	Đồng/CP	5.735	5.714	99,63%

Trong năm 2015, mặc dù doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng gần 9% so với cùng kỳ năm trước, đạt 826,1 tỷ đồng và chi phí bán hàng giảm mạnh, chỉ bằng 3,5% so với năm trước nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lại hầu như không tăng so với năm 2014. Điều này chủ yếu là do giá vốn hàng bán, chi phí quản lý và chi phí tài chính trong năm tăng đáng kể. Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng ngưng hoạt động từ ngày 31/12/2015, Công ty có chế độ hỗ trợ cho 28 cá nhân nghỉ việc; đồng thời các chi phí hoạt động khác như phí bồi thường, giải phóng mặt bằng thuê đất... đều được đưa hết vào chi phí hoạt động năm 2015.

Bên cạnh đó, lợi nhuận khác cũng giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Các yếu tố trên đã ảnh hưởng đến lợi nhuận cả năm của Công ty. Lợi nhuận sau thuế năm 2015 tương đương 98,42% so với năm 2014, đạt 95,5 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu vẫn giữ ở mức xấp xỉ năm 2014, đạt 5.714 đồng/cổ phiếu..

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014*	Năm 2015
Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,76	0,64
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,53	0,49
Cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	65,32%	58,86%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	188,37%	143,06%
Năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,82	8,72
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,73	0,71
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,77%	11,56%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	24,57%	21,77%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,36%	8,23%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	12,54%	12,33%
Thu nhập trên vốn cổ phần	Đồng/cp	5.714	5.735

27* Các chỉ tiêu năm 2014 được tính dựa trên số liệu trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 áp dụng chính sách kế toán trước khi được sửa đổi.

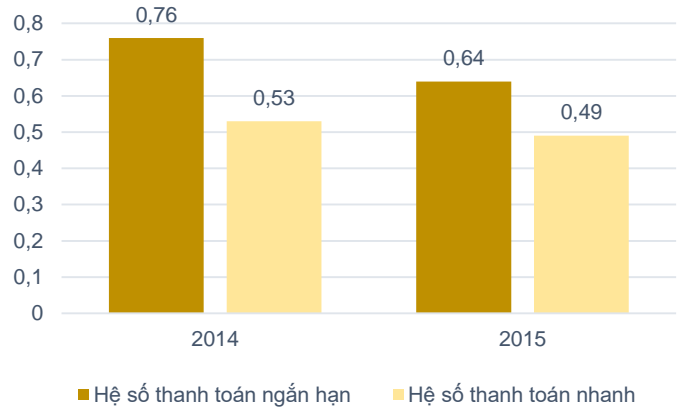
Nhìn chung, khả năng thanh toán của Công ty trong năm nay đã giảm so với năm trước đó. Cả hai hệ số thanh toán là hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều thấp hơn so với 2014, lần lượt đạt 0,64 lần và 0,49 lần. Nguyên nhân chính đến từ sự sụt giảm của cả tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn mà tốc độ giảm của tài sản ngắn hạn lại nhanh hơn. Năm 2015, tài sản ngắn hạn của Công ty chỉ còn 264,6 tỷ đồng, tương đương với 81,76% giá trị tài sản ngắn hạn của năm liền trước đó và nợ ngắn hạn chỉ còn 95,19%. Mặc dù vậy nhưng đến thời điểm này, Công ty vẫn đảm bảo tốt khả năng thanh toán những khoản nợ đến hạn.

Năm 2015, tổng nợ phải trả của Công ty đã giảm đáng kể từ 785,6 tỷ đồng năm 2014 xuống còn 657,9 tỷ đồng. Vì vậy hệ số nợ trên tổng tài sản đã giảm từ 65,32% xuống còn 58,86% và hệ số nợ trên tổng vốn chủ sở hữu từ 188,37% xuống còn 143,06%.

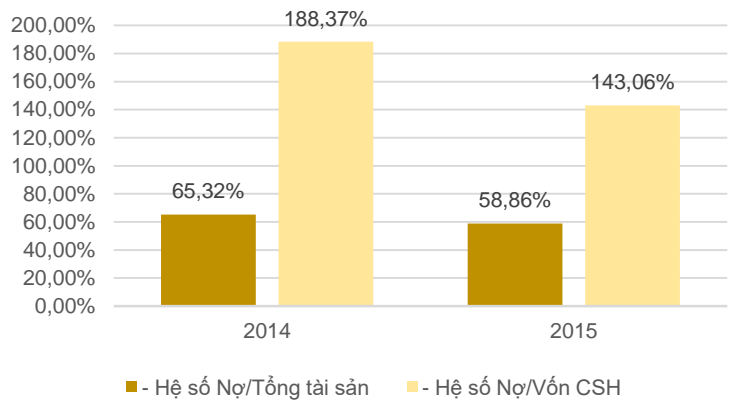
Về năng lực hoạt động của Công ty, chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 6,82 vòng năm 2014 lên 8,72 vòng năm 2015. Điều này cho thấy khả năng quản trị hàng tồn kho của Công ty ngày càng hiệu quả. Vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ so với năm 2014 phản ánh phần nào sự chưa hiệu quả trong công tác sử dụng tài sản vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Hầu hết các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty đều giảm ngoại trừ thu nhập trên vốn cổ phần đã tăng nhẹ so với năm 2014. Nguyên nhân của sự sụt giảm trong các số hệ số tài chính này là do lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm. Mặc dù lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2015 tăng nhẹ so với năm 2014 nhưng do lợi nhuận khác giảm đáng kể đã ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của cả năm.

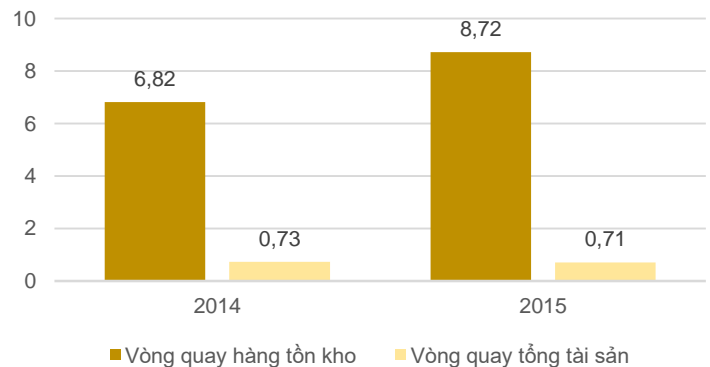
KHẢ NĂNG THANH TOÁN



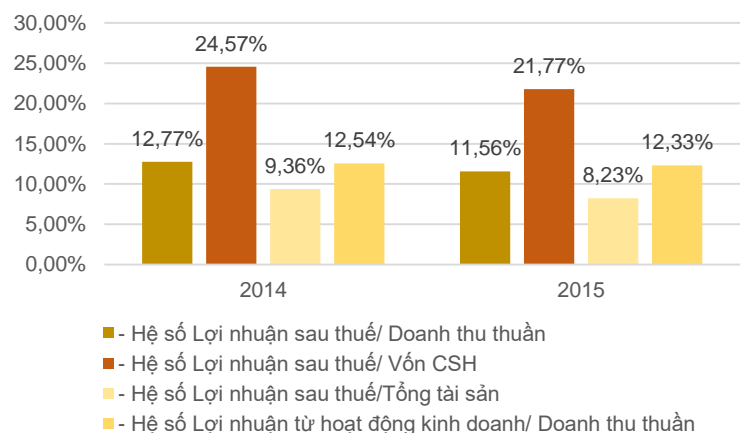
CƠ CẤU VỐN



NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



KHẢ NĂNG SINH LỜI



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quản lý nguồn nguyên liệu

Để đảm bảo sản phẩm cung cấp đến tay người tiêu dùng luôn là sản phẩm tốt nhất, đạt tiêu chuẩn nghiêm ngặt của SABECO, chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào luôn được Công ty chú trọng.

- ◆ Malt được nhập khẩu từ các nguồn cung cấp nguyên liệu lớn trên thế giới như Châu Âu, Châu Úc với tiêu chuẩn đảm bảo.
- ◆ Gạo được cung cấp trong nước, bởi những nhà cung cấp có uy tín, chất lượng gạo phải có chứng nhận đạt các tiêu chuẩn mà SABECO đề ra.
- ◆ Các nguyên vật liệu khác: phải có chứng nhận xuất xứ rõ ràng, chất lượng đạt chuẩn.

Tiêu thụ năng lượng, điện, nước

- ◆ Các nhà máy sản xuất của Công ty đều đã được đầu tư đồng bộ thiết bị nhằm tối ưu trong việc tiết kiệm năng lượng.
- ◆ Việc sắp xếp tổ chức sản xuất hợp lý, tránh giờ cao điểm cũng được công ty chú trọng.
- ◆ Công tác kiểm soát định mức sử dụng được chú trọng, hệ thống đo đếm tiêu thụ năng lượng được lắp đặt tại tất cả các bộ phận. Từ đó việc theo dõi, đánh giá sử dụng năng lượng được thực hiện định kỳ nhằm tìm hiểu nguyên nhân, đưa ra hướng khắc phục nếu việc sử dụng năng lượng có hiện tượng bất thường.
- ◆ Tái sử dụng nước RO trong sản xuất (còn đạt chuẩn) để phục vụ sinh hoạt, tưới tiêu cây xanh, từ đó tiết kiệm được nước đầu vào.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- ◆ Tất cả các nhà máy của Công ty đều xây dựng theo mô hình nhà máy xanh, thân thiện với môi trường.
- ◆ Tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ được đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm, đảm bảo nguồn nước thải từ sản xuất đều tập trung về hệ thống, được xử lý và đạt các tiêu chuẩn trước khi thải ra bên ngoài.

Trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương

- ◆ Thông điệp “**Bia Sài Gòn chung tay vì cộng đồng**” luôn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động xã hội của Công ty. Trong năm vừa qua, công ty tiếp tục có những hoạt động ý nghĩa, hướng về cộng đồng như sau:
 - Tiếp tục nhận phụng dưỡng mẹ VNAH Nguyễn Thị Lành tại huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.
 - Hỗ trợ 03 căn nhà tình thương cho 03 công nhân đang làm việc tại các Nhà máy có hoàn cảnh khó khăn để các công nhân vượt qua khó khăn, an tâm công tác.
 - Đóng góp cho quỹ học bổng Vừ A Dính số tiền 100.000.000 đồng.
 - Thăm và tặng quà các em nhỏ tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật Thành phố Cần Thơ.
- ◆ Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ các quy định của địa phương nơi đóng trụ sở về an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, đồng thời ủng hộ các chương trình an sinh xã hội tại địa phương trong năm.

Đóng góp vào môi trường





BIA SAIGON.

BIER · BEER · BIA
333[®]
export
BIER · BEER · BIA

BIA SAIGON

BIER · BEER · BIA
333[®]
export
BIER · BEER · BIA

SABECO

BIER · BEER · BIA
333[®]
export
BIER · BEER · BIA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

	ĐVT	TH2014	KH2015	TH2015	TH2015/ TH2014	TH2015/ KH2015
Tổng sản lượng bia sản xuất	Tr. lít	89,2	95	104,5	117,16%	110,05%
Tổng sản lượng bia tiêu thụ	Tr. lít	89,5	95	104,1	116,31%	109,60%
Tổng doanh thu	Tr. đồng	759.701	756.463	826.049	108,73%	110,04%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	105.286	71.063	103.954	98,73%	146,28%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	96.999	65.662	95.467	98,42%	145,39%

Theo Báo cáo của Hiệp hội Bia Rượu Nước giải khát Việt Nam (VBA), năm 2015, sản lượng sản xuất và tiêu thụ bia ở Việt Nam đạt 3,4 tỷ lít, tăng 10% so với năm 2014 và gần 41% so với năm 2010. Điều này cho thấy sự tăng trưởng mạnh mẽ trong nhu cầu tiêu thụ bia của người dân trong nước. Tuy vậy, năm 2015 được đánh giá là một năm đầy khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do sự cạnh tranh ngày càng gay gắt không chỉ từ những nhãn hàng bia nội địa và còn từ những thương hiệu bia lớn trên thế giới với lợi thế thương hiệu toàn cầu và tiềm lực tài chính mạnh mẽ.

Trong bối cảnh thị trường đầy tính cạnh tranh, với sức mạnh truyền thông của thương hiệu Bia Sài Gòn cùng nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên đã giúp Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra từ đầu năm 2015.

Các nguyên nhân vượt kế hoạch năm 2015

- ♦ Theo kế hoạch ban đầu 02 nhà máy Cần Thơ và Sóc Trăng 1 chỉ được giao sản lượng tương đương 70% công suất. Nhưng do nỗ lực của tập thể Công ty và sự hỗ trợ từ nhiều phía, Nhà máy Cần Thơ vượt 2,77 triệu lít bia, Nhà máy Sóc Trăng 1 vượt 4,02 triệu lít bia và riêng Công ty TNHH MTV Bia Sóc Trăng vượt 2,74 triệu lít bia các loại. Chính việc vượt sản lượng này góp phần làm tăng lợi nhuận của Công ty.
- ♦ Trong năm, Công ty đã thực hiện chủ trương giảm hao phí, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm nhờ kiểm soát tốt giá thành sản xuất thông qua các hoạt động sau:
 - Tập trung theo dõi đánh giá định mức kinh tế kỹ thuật định kỳ nhằm phát hiện, khắc phục sớm các điểm không phù hợp;
 - Sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào với giá cả hợp lý, chất lượng ổn định;
 - Cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm khai thác tối đa năng lực thiết bị...
- ♦ Công ty đã thực hiện tốt các công tác quản lý vốn và dòng tiền bằng cách:
 - Thanh lý kịp thời các tài sản không cần thiết để thu hồi vốn, hạn chế đi vay;
 - Thoái vốn các khoản đầu tư tài chính (cụ thể là đầu tư cổ phiếu SABECO) để thu hồi vốn nhằm phục vụ công tác sản xuất chính của Công ty.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

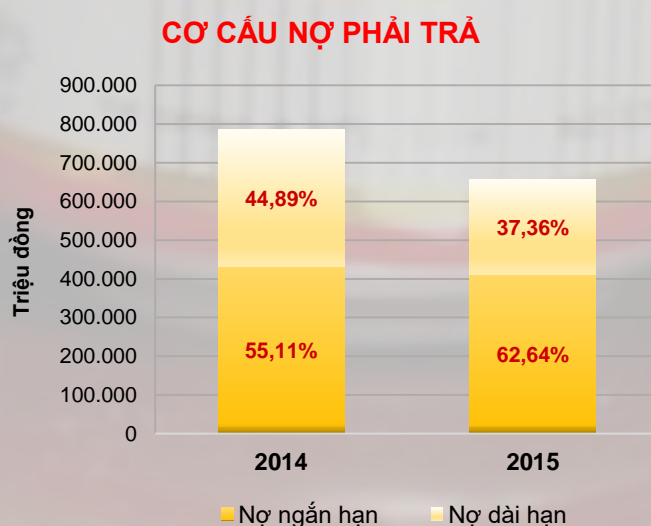
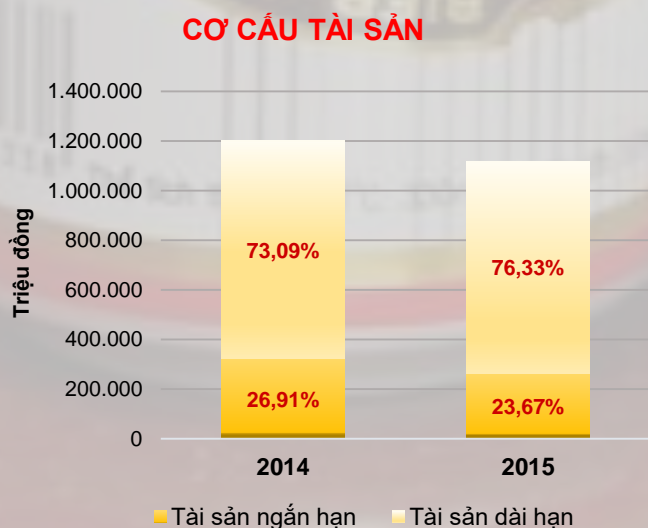
STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng, giảm của 2015 so với 2014
1	Tài sản			
	Tài sản ngắn hạn	323.665	264.639	81,76%
	Tài sản dài hạn	878.968	853.178	97,07%
	Tổng tài sản	1.202.633	1.117.817	92,95%
2	Nguồn vốn			
	Nợ ngắn hạn	432.966	412.120	95,19%
	Nợ dài hạn	352.624	245.795	69,60%
	Vốn chủ sở hữu	417.043	459.901	110,28%
	Tổng nguồn vốn	1.202.633	1.117.817	92,95%

- Về cơ cấu tài sản, năm 2015 không có nhiều thay đổi so với năm 2014. Tài sản dài hạn vẫn chiếm ưu thế với tỷ trọng đạt 76,33% tổng tài sản. Về giá trị tài sản, có thể thấy, năm 2015, tổng tài sản đã giảm, chỉ bằng 92,95% so với năm trước mà nguyên nhân chính là do sự giảm sút trong giá trị của tài sản ngắn hạn. Mặc dù các khoản phải thu ngắn hạn tăng đột biến do phát sinh khoản thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng 131,5 tỷ đồng đang chờ công ty mẹ là Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn hoàn trả, nhưng các hạng mục còn lại gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác đều giảm so với 2014. Tài sản ngắn hạn năm 2015 chỉ bằng 81,76% tài sản ngắn hạn năm 2014.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình trên Báo cáo tài chính năm 2015 giảm so với năm 2014 là 3,6 tỷ đồng do Khoản mục chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng đất thuê của Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng hiện đang được ghi nhận là TSCĐ vô hình. Tuy nhiên, khi Công ty tiến hành đánh giá lại hồ sơ ghi nhận tài sản trên theo các quy định hiện hành thì nhận thấy chưa đủ tiêu chuẩn để hạch toán TSCĐ vô hình. Do đó, tại 31/12/2015, Công ty đã điều chỉnh hạch toán giảm TSCĐ vô hình trên cho phù hợp với quy định pháp luật và chuẩn mực kế toán.

- Về cơ cấu nợ phải trả năm 2015, tương tự so với năm 2014, đa số nợ phải trả đến từ nợ ngắn hạn. Khoản nợ ngắn hạn đáng lưu ý trong năm 2015 là khoản vay 131,5 tỷ đồng để nộp thuế TTĐB theo kết luận thanh tra của Bộ tài chính.

Năm 2015, nợ ngắn hạn chiếm 62,64% tổng số nợ. Điều đáng chú ý là tổng nợ phải trả trong năm 2015 đã giảm rõ rệt so với năm 2014, đặc biệt nợ dài hạn phải trả chỉ còn lại 69,60% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản vay dài hạn từ phía ngân hàng đã giảm đáng kể.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Trong công tác sản xuất

- ◆ Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật theo tháng, phát huy được hiệu quả khi tìm được nguyên nhân tăng giảm giá thành sản phẩm khi so sánh với các công ty cùng ngành. Từ đó, đề ra được các biện pháp khắc phục hiệu quả, giúp giá thành sản phẩm ổn định, tối đa hóa lợi nhuận.
- ◆ Thành lập các Hội đồng giúp việc cho Ban điều hành công ty (Hội đồng giá, Hội đồng thanh lý...) với thành phần nhân sự kiêm nhiệm nhưng đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao. Từ đó, nguyên vật liệu đầu vào có giá cả hợp lý với chất lượng tốt nhất; kịp thời thanh lý nhằm thu hồi vốn với các tài sản không sử dụng. Đây là một trong những nguyên nhân giúp việc quản lý giá thành và quản trị dòng tiền Công ty đạt hiệu quả tốt.
- ◆ Tác phong công nghiệp của người lao động ngày càng cao. Việc phân bổ kế hoạch sản xuất và phân công ca kíp hợp lý cũng giúp người lao động đảm bảo sức khỏe và hoàn thành công việc được giao.
- ◆ Các công tác khác như phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, an toàn lao động... tiếp tục được duy trì ổn định.

Công tác giao hàng, quảng bá sản phẩm

- ◆ Cử được cán bộ chuyên trách công tác thị trường và giao hàng. Bám sát cùng với Công ty thương mại Bia Sài Gòn khu vực tìm hiểu thị trường, giúp việc đánh giá công tác giao hàng và tiêu thụ thuận lợi, điều tiết được sản xuất theo nhu cầu thị trường trong từng giai đoạn trong năm.
- ◆ Thành lập bộ phận thị trường, xây dựng kế hoạch thị trường chi tiết nhằm góp phần quảng bá sản phẩm, thương hiệu. Trong năm Công ty cũng đã tổ chức được chuỗi chương trình hoạt náo quán “Lên bia có Bia Sài Gòn” tại khu vực Cần Thơ và tạo được ấn tượng tốt với khách hàng.

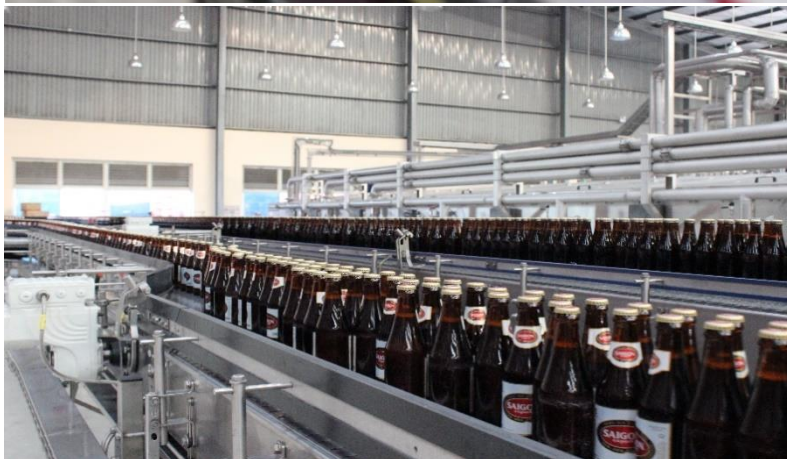
Công tác tổ chức, đào tạo, quản lý nhân lực

- ◆ Duy trì tốt hệ thống quản lý tích hợp đáp ứng 03 tiêu chuẩn ISO 9001:2008; ISO 22000:2005; ISO 14001:2004.
- ◆ Quản lý nguồn nhân lực hợp lý, luân chuyển và phân công nhiệm vụ cho cán bộ theo đúng năng lực và kinh nghiệm.
- ◆ Cử cán bộ ưu tú tham dự các khóa học Brew Master tại Đức nhằm nâng cao tay nghề cán bộ, đáp ứng được kỹ thuật sản xuất ngày càng cao.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2016

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2015	KH2016	KH2016/ TH2015
1	Sản lượng bia sản xuất và tiêu thụ	Lít			
1.1	Sản lượng bia sản xuất	Lít	104.542.846	98.000.000	93,74%
	Bia chai 450ml	Lít	17.218.656	27.000.000	156,81%
	Bia chai 355ml	Lít	49.731.588	32.000.000	64,35%
	Bia lon 333	Lít	22.521.827	25.000.000	111,00%
	Bia chai lager 335ml	Lít	1.249.281	2.000.000	160,09%
	Bia lon lager	Lít	13.796.648	12.000.000	86,98%
1.2	Sản lượng bia tiêu thụ	Lít	104.117.493	98.000.000	94,12%
	Bia chai 450ml	Lít	17.070.624	27.000.000	158,17%
	Bia chai 355ml	Lít	49.197.728	32.000.000	65,04%
	Bia lon 333	Lít	23.299.294	25.000.000	107,30%
	Bia chai lager 335ml	Lít	1.122.183	2.000.000	178,22%
	Bia lon lager	Lít	13.402.818	12.000.000	89,53%
2	Tổng doanh thu	Đồng	832.394.503.023	769.203.709.042	92,41%
	Doanh thu công nghiệp	Đồng	813.653.995.088	729.287.589.589	89,63%
	Doanh thu khác	Đồng	18.740.507.935	39.894.292.321	212,88%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Đồng	103.953.941.516	67.000.088.000	64,45%
	- Trong đó lợi nhuận sản xuất chính	Đồng	106.684.056.851	69.809.691.509	65,44%
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	95.467.231.910	61.162.672.375	64,07%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	%	65,84	42,09%	-



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Công tác sản xuất

- ◆ Đánh giá, xem xét chi tiết tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015 tại từng nhà máy, từ đó ban hành và kiểm soát tốt việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật cho năm 2016.
- ◆ Chú ý theo dõi công tác sản xuất ở các nhà máy, đánh giá định kỳ để kịp thời phát hiện các vấn đề phát sinh và nhanh chóng giải quyết, đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt.
- ◆ Tiếp tục chú trọng cải tiến kỹ thuật, đầu tư áp dụng công nghệ mới, hợp lý hóa sản xuất để giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.
- ◆ Đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào với chất lượng tốt nhất và giá cả cạnh tranh và hợp lý nhất.
- ◆ Điều phối sản xuất hợp lý nhằm phát huy tối đa nhân lực, năng suất thiết bị máy móc, tiết kiệm nhiên liệu.
- ◆ Duy trì công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty.

Công tác đầu tư

Hoàn thiện các công trình, máy móc thiết bị phụ trợ (theo kế hoạch đầu tư chi tiết), đảm bảo đáp ứng điều kiện sản xuất, chất lượng sản phẩm ngày càng cao và công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường.

Công tác giao hàng, tiếp thị, quảng cáo

- ◆ Cử cán bộ chuyên trách, phối hợp chặt chẽ với Công ty thương mại, đơn vị vận tải tổ chức giao hàng nhanh chóng, kịp thời theo kế hoạch giao hàng. Thường xuyên đánh giá nguyên nhân giao hàng không đạt để có hướng khắc phục.
- ◆ Xây dựng kế hoạch thị trường, phối hợp cùng Công ty thương mại khu vực và Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn trong công tác quảng bá sản phẩm.
- ◆ Tiếp tục thực hiện trách nhiệm với xã hội và cộng đồng qua các chương trình an sinh xã hội tại địa phương, gắn với thông điệp "**Bia Sài Gòn chung tay cùng cộng đồng**".

Công tác tổ chức, quản lý nguồn nhân lực

- ◆ Xem xét cải tiến cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- ◆ Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên, đào tạo có tính đến nguồn nhân lực kế thừa, đảm bảo phát triển bền vững.
- ◆ Áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến vào công tác tổ chức, quản trị nhân sự (Công ty đang triển khai xây dựng chương trình quản trị DKNEC để tối ưu hóa công tác quản trị nhân sự, công việc... hướng đến xây dựng hệ thống quản trị thống nhất trong toàn Công ty).
- ◆ Duy trì thực hiện tốt Hệ thống quản lý tích hợp đáp ứng 03 tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 22000:2005; ISO 14001:2004.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN LOẠI TRỪ CỦA KIỂM TOÁN

Trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của Công ty có nêu nội dung về ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Kiểm toán độc lập liên quan đến thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB). Vấn đề này Ban Giám đốc xin giải trình như sau:

Theo thông báo số 119/TB-KTNN ngày 04/02/2015 của Kiểm toán Nhà nước và Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 08/12/2015 của Bộ Tài chính, Công ty phải nộp bổ sung thuế TTĐB với số tiền 24.841.512.278 đồng cho năm 2013 và 89.209.702.773 đồng cho năm 2014 và 9 tháng đầu năm 2015 vào Ngân sách Nhà nước (NSNN). Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cũng ước tính thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho 3 tháng cuối năm 2015 là 17.456.790.503 đồng. Tại ngày 31/12/2015, Công ty đã nộp 131.508.005.554 đồng tiền thuế TTĐB bổ sung vào NSNN.

Theo quan điểm của Ban Giám đốc, do việc tính toán số thuế TTĐB là căn cứ theo quy định của Tổng Công ty Cổ phần - Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn - là Công ty mẹ. Vì vậy, toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho năm 2013, 2014 và 2015 sẽ được Công ty mẹ hoàn trả. Do đó, Ban Giám đốc chưa ghi nhận các khoản thuế TTĐB phải nộp bổ sung này như một khoản chi phí thuế vào báo cáo tài chính hợp nhất mà chỉ ghi nhận khoản thuế TTĐB đã nộp bổ sung vào NSNN tại ngày 31/12/2015 như một khoản phải thu ngắn hạn khác từ công ty mẹ.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty chưa nhận được quyết định chính thức từ công ty mẹ liệu rằng trách nhiệm nộp bổ sung các khoản thuế này sẽ do công ty mẹ hay Tập đoàn chịu.





BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2015, mặc dù nền kinh tế trong nước đang có những dấu hiệu chuyển biến đầy khả quan, nhưng đối với Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây, năm 2015 được đánh giá là năm có nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Điều này chủ yếu là do sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường không chỉ đến từ những nhãn hàng trong nước mà còn từ các thương hiệu nước ngoài. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ tổng lực từ Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu – NGK Sài Gòn; các đơn vị trong cùng hệ thống và sự quan tâm, ủng hộ, giúp đỡ của các cấp, ban, ngành tại địa phương đã giúp Công ty đạt và vượt nhiều chỉ tiêu Đại hội cổ đông đã giao. Đây là năm Công ty gặt hái được nhiều thành công trên nhiều lĩnh vực:

- ◆ Sản lượng sản xuất vượt 10,05%, sản lượng giao hàng vượt 9,60% so với kế hoạch.
- ◆ Lợi nhuận sau thuế vượt trên 40% kế hoạch đề ra.
- ◆ Hoàn thành và quyết toán xong 2 dự án trọng điểm của Công ty là “Đầu tư mới Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng” và “Đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít/năm”.
- ◆ Thu nhập của cán bộ công nhân viên ổn định.

Đạt được nhiều thành công như trên là kết quả của sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban điều hành trên tất cả các mặt hoạt động cùng với việc áp dụng nhiều biện pháp khác nhau:

- ◆ Phối hợp tốt trong công tác giao hàng cùng với đơn vị thương mại. Thực hiện công tác thị trường, tri ân khách hàng tại địa bàn Thành phố Cần Thơ năm 2015 cũng đã đạt được những thành công bước đầu khi sản phẩm Bia Sài Gòn ngày càng được khách hàng biết đến và tin dùng.
- ◆ Đầu tư hoàn thiện các Nhà máy theo hướng đồng bộ, hiện đại, sản phẩm chất lượng và hoạt động sản xuất phải thân thiện với môi trường.
- ◆ Nguồn nguyên vật liệu đầu vào được cung cấp với chất lượng ổn định và giá cả cạnh tranh nhất cũng góp phần không nhỏ vào thắng lợi của hoạt động trong năm 2015.
- ◆ Chú trọng đào tạo tay nghề, trình độ của lực lượng cán bộ (trong và ngoài nước), từ đó năng lực chuyên môn được nâng cao, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao trong xu thế hội nhập.



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2015, Công tác điều hành của Ban Giám đốc Công ty đã tạo nên nhiều kết quả đáng ghi nhận:

- ◆ Các công tác trọng tâm về sản xuất, chất lượng sản phẩm, công tác giao hàng và thị trường được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và linh động.
- ◆ Tham mưu tốt cho HĐQT trong công tác bổ nhiệm, điều chuyển nhân sự nhằm phát huy tối đa nguồn nhân lực Công ty.
- ◆ Hoàn thiện công tác quyết toán 02 dự án trọng điểm trong năm là “Đầu tư mới Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng” và “Đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít/năm”.





**BIA
SAIGON**

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ◆ Tập trung chỉ đạo, giám sát công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2016. Điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp nhằm thực hiện thắng lợi các nội dung mà Đại hội cổ đông thường niên đề ra.
- ◆ Cập nhật bổ sung các quy chế, quy định quản lý theo hướng kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ, đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành.
- ◆ Chú trọng quản lý chất lượng sản phẩm, tuân thủ quy trình công nghệ đáp ứng theo yêu cầu của Tổng Công ty trong từng thời kỳ.
- ◆ Phối hợp với hệ thống thương mại Bia Sài Gòn của Tổng Công ty, thực hiện công tác quảng bá sản phẩm sâu rộng đến các nhà phân phối, người tiêu dùng tại thị trường khu vực miền Tây.
- ◆ Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, quản lý nguồn nhân lực, duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- ◆ Triển khai thực hiện phương án giải thể và tập trung thanh lý các tài sản tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng để thu hồi vốn
- ◆ Điều hành dòng tiền hợp lý, hiệu quả, tranh thủ trả bớt nợ vay ngân hàng, duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định, tích cực khai thác nguồn vốn với chi phí thấp nhất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh
- ◆ Thiết lập và thực hiện tốt mối liên hệ với các cổ đông, đảm bảo công bố thông tin kịp thời, trung thực, đúng quy định

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ





DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Kỹ sư điện tự động
Chức vụ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">◆ Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu◆ Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Vĩnh Long◆ Chủ tịch HĐQT Công ty liên danh TNHH Crown Sài Gòn

2. Ông Phạm Đình Hùng – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh	1956
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">◆ Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng◆ Thành viên HĐQT CTCP Bia – NGK Sài Gòn – Tây Đô◆ Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

3. Ông Trần Công Tước – Thành viên HĐQT

Năm sinh	1955
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư – Master of Science – Brewmaster
Chức vụ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">◆ Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco◆ Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng◆ Thành viên HĐQT Công ty liên danh TNHH Crown Sài Gòn

4. Ông Nguyễn Văn Đồi – Thành viên HĐQT

Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">◆ Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Vĩnh Long◆ Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

5. Ông Đỗ Văn Vê – Thành viên HĐQT

Năm sinh	1962
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Chức vụ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">◆ Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Bình

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Đồng Việt Trung – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	1957
Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kinh doanh, cử nhân kinh tế

2. Ông Lê Xuân Khởi – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1970
Trình độ chuyên môn	Trung cấp cơ khí

3. Ông Nguyễn Văn Doanh – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

1. Ông Phạm Đình Hùng – Giám đốc

Xem phần danh sách thành viên HĐQT

2. Ông Lê Đăng Khoa – Phó Giám đốc

Năm sinh	1956
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư

3. Ông Phạm Minh Quân – Phó Giám đốc

Năm sinh	1988
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG NĂM 2015

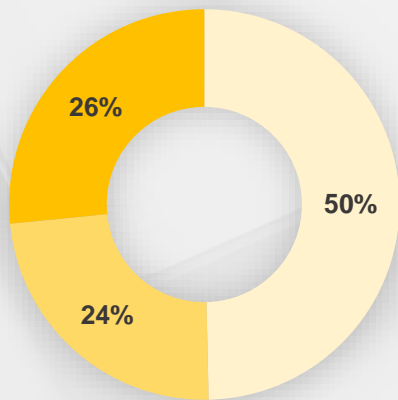
Bổ nhiệm ông Phạm Minh Quân làm Phó giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây ngày 04/09/2015.

CƠ CẤU NHÂN SỰ

(tại ngày 05/01/2016)

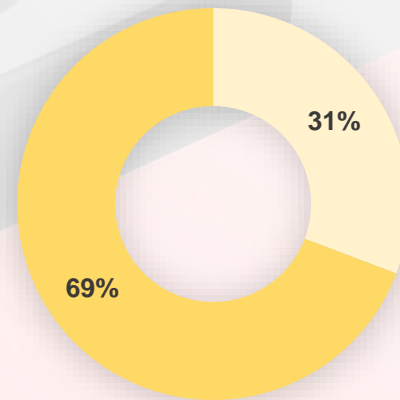
STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ	286	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	142	49,65%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	68	23,78%
3	Khác	76	26,57%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	286	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	88	30,77%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	198	69,23%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0,00%

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ NĂM 2015 THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG



- Trình độ đại học, trên đại học
- Trình độ cao đẳng, trung cấp
- Khác

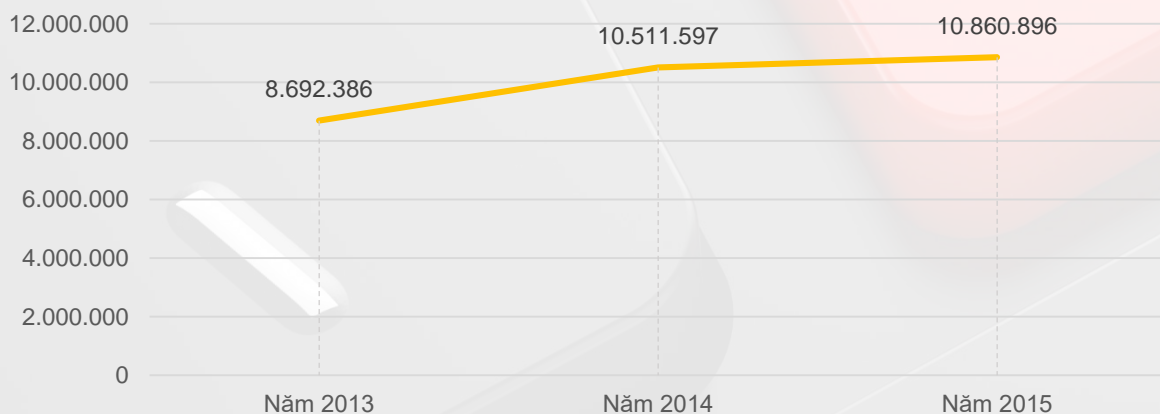
BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO TÍNH CHẤT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



- Hợp đồng có xác định thời hạn
- Hợp đồng không xác định thời hạn

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	2015 so với 2014
Tổng số lượng cán bộ/nhân viên	Người	258	297	286	96,30%
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	8.692.386	10.511.597	10.860.896	103,32%

THU NHẬP BÌNH QUÂN



CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các văn bản pháp luật của Nhà nước về chính sách đối với người lao động như: Bộ luật Lao động, luật Bảo hiểm xã hội, các văn bản hướng dẫn dưới luật có liên quan...



Chính sách lương, thưởng, phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên trong năm 2015

Chính sách lương thưởng phúc lợi luôn được công ty duy trì thực hiện đều đặn hàng năm, nhằm đảm bảo người lao động có đời sống vật chất ổn định, ngày càng cải thiện, từ đó giúp người lao động an tâm công tác, cống hiến hết mình cùng sự phát triển của Công ty

- ◆ Hệ thống thang bảng lương được xây dựng và ban hành mới trong năm 2015 trên cơ sở cải tiến, phù hợp hơn với từng vị trí công việc, khuyến khích năng suất lao động và giữ chân người lao động có chuyên môn cao phục vụ lâu dài cho Công ty.
- ◆ Chính sách trả lương, thưởng, phúc lợi đều có quy chế rõ ràng, công khai cho người lao động nắm rõ và thấu hiểu. Việc xét thưởng dựa trên kết quả công việc của từng cá nhân và tập thể.
- ◆ Điều đặn tổ chức Hội nghị người lao động hàng năm để trao đổi thông tin, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động.
- ◆ Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao tay nghề, kiến thức.
- ◆ Quan tâm chăm lo đời sống CBCNV, tổ chức thăm hỏi người lao động ốm đau, thai sản, vận động hỗ trợ cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn...
- ◆ Ngoài ra, để tạo điều kiện cho CBCNV có thời gian nghỉ ngơi sau những giờ làm việc căng thẳng, hoạt động du lịch nghỉ mát thường niên cũng được Công đoàn Công ty thực hiện định kỳ và tạo mọi điều kiện cho toàn thể CBCNV tham gia. Hoạt động văn thể mỹ được đầu tư và tổ chức hợp lý.

Chính sách trong năm 2016

- ◆ Duy trì các chính sách đã thực hiện trong những năm gần đây cho người lao động.
- ◆ Thực hiện đầy đủ chính sách theo đúng quy định của Nhà nước, đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho 100% người lao động.
- ◆ Khen thưởng, động viên kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thi đua lao động sản xuất, đóng góp sáng kiến cải tiến và các giải pháp hữu ích cho Công ty.

BÁO CÁO
QUẢN TRỊ CÔNG TY



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Số lượng cổ phiếu đã phát hành:

Cổ phiếu thường: 14.500.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: Không có

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:

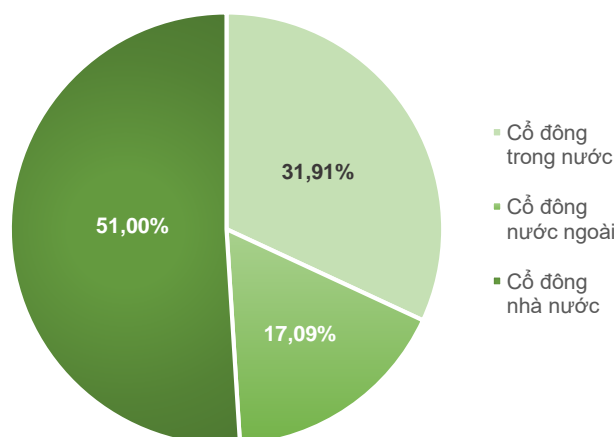
Cổ phiếu thường: 14.500.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: Không có

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG (tại ngày 01/02/2016)



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Cổ đông lớn	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-NGK Sài Gòn	7.395.000	51,00%
2	Robert Alexander Stone	1.111.000	7,66%
3	Nguyễn Thị Phương Khanh	826.000	5,7%
Tổng cộng		9.332.000	64,36%

(tính đến ngày 01/02/2016)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông trong nước	387	4.627.630	31,91%
Cổ đông nước ngoài	26	2.477.370	17,09%
Cổ đông nhà nước	1	7.395.000	51%
Tổng cộng	414	14.500.000	100%
Cổ đông lớn	3	9.332.000	64,36%
Cổ đông nhỏ	411	5.168.000	35,64%
Tổng cộng	414	14.500.000	100%
Cổ đông tổ chức	14	8.688.895	59,92%
Cổ đông cá nhân	400	5.811.105	40,08%
Tổng cộng	414	14.500.000	100%

(tính đến ngày 01/02/2016)

SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Đối tượng	Họ và tên - Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Hội đồng quản trị	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch	43.250	0,30%
	Ông Phạm Đình Hùng – Thành viên kiêm Giám đốc	0	0
	Ông Trần Công Tước – Thành viên	0	0
	Ông Nguyễn Văn Đồi – Thành viên	637.300	4,40%
	Ông Đỗ Văn Vê - Thành viên	75.000	0,52%
Ban kiểm soát	Ông Đồng Việt Trung – Trưởng ban	0	0
	Ông Nguyễn Văn Doanh – Thành viên	0	0
	Ông Lê Xuân Khởi – Thành viên	5.180	0,04%
Ban điều hành	Ông Phạm Đình Hùng – Giám đốc	0	0
	Ông Lê Đăng Khoa – Phó Giám đốc	0	0
	Ông Phạm Minh Quân – Phó Giám đốc	0	0
	Bà Trần Thị Loan Anh – Phụ trách kế toán	0	0
Tổng cộng		763.730	5,26%

(Tính đến ngày 01/02/2016)



GIAO DỊCH, LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BGD VÀ BKS

Đối tượng	Họ và tên - Chức vụ	Thù lao	Lương	Thường
Hội đồng quản trị	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch	120.000.000		159.000.000
	Ông Phạm Đình Hùng – Thành viên	84.000.000		138.600.000
	Ông Trần Công Tước – Thành viên	84.000.000		96.800.000
	Ông Nguyễn Văn Đồi – Thành viên	84.000.000		96.800.000
	Ông Đỗ Văn Vê - Thành viên	84.000.000		76.800.000
Ban kiểm soát	Ông Đồng Việt Trung – Trưởng ban	84.000.000		76.800.000
	Ông Nguyễn Văn Doanh – Thành viên	48.000.000		26.000.000
	Ông Lê Xuân Khởi – Thành viên	48.000.000		26.000.000
Ban điều hành	Ông Phạm Đình Hùng – Giám đốc		600.000.000	387.000.000
	Ông Lê Đăng Khoa – Phó Giám đốc		420.000.000	247.000.000
	Ông Phạm Minh Quân – Phó Giám đốc		191.000.000	50.500.000
	Bà Trần Thị Loan Anh – Phụ trách kế toán		220.868.251	152.082.000
Tổng cộng		636.000.000	1.431.868.251	1.533.382.000

(ĐVT: đồng)

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2015

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch	11	100%	
2	Ông Phạm Đình Hùng	Ủy viên, Giám đốc	11	100%	
3	Ông Trần Công Tước	Ủy viên	11	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Đồi	Ủy viên	11	100%	
5	Ông Đỗ Văn Vê	Ủy viên	10	90,9%	Bận công tác

Trong năm 2015, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần và duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Với số lượng là 5 thành viên, HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, đồng thời có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Bằng sự quyết tâm cao, chủ động đối mặt với khó khăn, thách thức, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát các hoạt động quản lý, điều hành của Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV, nỗ lực thực thi các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành đạt mức cao nhất các chỉ tiêu kinh tế và tất cả các nội dung đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 với mục đích đem đến lợi ích cao nhất cho các cổ đông và sự phát triển bền vững cho Công ty.

Qua các cuộc họp, HĐQT đã quyết định được các vấn đề sau:

- ◆ Thông qua việc kiểm soát các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý để điều hành hoạt động công ty.
- ◆ Kiểm soát hoạt động tài chính Công ty thông qua kiểm soát giá thành sản xuất, chi phí kinh doanh, đảm bảo mang lại lợi ích cho cổ đông và tuân thủ Luật pháp của Nhà nước.
- ◆ Chỉ đạo Công ty trong việc sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn, đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ theo quy định.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty được thông suốt, kịp thời và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết liên quan đến các vấn đề quan trọng của Công ty

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2015

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2015/NQ-HĐQT	10/03/2015	Phê duyệt chủ trương vay vốn lưu động phục vụ SXKD cho Nhà máy Sóc Trăng và Cần Thơ
2	02/2015/NQ-HĐQT	10/04/2015	Xem xét báo cáo kết quả SXKD 2014 và dự kiến 2015 trình Đại hội đồng cổ đông 2015; các kiến nghị để Ban điều hành điều chỉnh trình HĐQT
3	03/2015/NQ-HĐQT	14/04/2015	Thông qua kết quả SXKD 2014 và KH 2015 trình Đại hội đồng cổ đông 2015
4	04/2015/NQ-HĐQT	20/04/2015	Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015
5	05/2015/NQ-HĐQT	14/05/2015	Thống nhất việc chốt danh sách để chi cổ tức và quyết toán cổ tức 2014 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2015. Phân phối lợi nhuận 2014
6	06/2015/NQ-HĐQT	14/07/2015	Thông qua chủ trương bán dây chuyền chiết 6.000chai/giờ tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
7	07/2015/NQ-HĐQT	24/08/2015	Thông qua chủ trương thuê FPTS cung cấp các dịch vụ để thoái vốn cổ phần SABECO
8	08/2015/NQ-HĐQT	31/08/2015	Thông qua báo cáo kết quả sản xuất, kinh doanh và đầu tư 07 tháng đầu năm 2015, kế hoạch 5 tháng cuối năm; Quyết toán dự án hoàn thành “Đầu tư mới Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng”; bán tài sản cố định; phê duyệt đợ giá tiền lương 2015; bổ nhiệm nhân sự và một số nội dung khác
9	09/2015/NQ-HĐQT	11/10/2015	Thông qua các nội dung liên quan đến hạng mục “Đầu tư bổ sung hệ thống lạnh ghép tầng”, và quyết toán công trình hoàn thành “Nhà lò hơi trấu”
10	10/2015/NQ-HĐQT	26/11/2015	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành “Đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít/năm”
11	11/2015/NQ-HĐQT	19/12/2015	Phê duyệt chủ trương vay vốn lưu động năm 2016 phục vụ SXKD

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thực hiện công bố đầy đủ và đúng hạn các Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo đúng quy định của pháp luật.

Các quy định về quản trị nội bộ Công ty được cập nhật theo quy định mới nhất của Pháp luật hiện hành, sẽ soát xét và phê duyệt ban hành trong năm 2016. Các quy chế mang tính cấp bách như liên quan đến Luật chứng khoán, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, quy định về công bố thông tin theo Thông tư 155/2015/TT-BTC, Ban điều hành đã ban hành tạm thời để thực hiện, nhằm tuân thủ đúng quy định Nhà nước. Đồng thời, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan luôn được cập nhật kịp thời và chuẩn hóa nhằm đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về tuân thủ quy định và đảm bảo quyền lợi cao nhất cho các cổ đông.

KẾ HOẠCH, CÔNG VIỆC THỰC HIỆN ĐỂ TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ◆ Cập nhật cũng như soạn thảo mới các quy chế, quy định cần thiết để chuẩn hóa toàn diện hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty và tăng cường thực triển khai thực hiện các quy chế quản trị này để phát huy tối đa tác dụng.
- ◆ Xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông để sửa đổi bổ sung nội dung Điều lệ của Công ty cho phù hợp với những quy định mới tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH12 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.
- ◆ Đào tạo chuyên sâu cho cán bộ quản lý hiện hữu và nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ kế thừa, đảm bảo nhân lực giúp phát triển bền vững.
- ◆ Áp dụng Công nghệ thông tin tiên tiến để xây dựng hoàn thiện hệ thống quản trị (quản trị công việc, tiền lương, nhân sự...). Công ty hiện triển khai hợp đồng xây dựng hệ thống quản trị DKNEC để nhanh chóng đưa hệ thống vào sử dụng, đảm bảo việc quản trị được tinh gọn, thông tin thông suốt, phát huy tối đa hiệu quả.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã tiến hành 3 cuộc họp để thực hiện nhiệm vụ kiểm soát công tác sản xuất kinh doanh của Công ty với nội dung sau:

STT	Ngày	Nội dung
1	12/04/2015	Xem xét kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2014 và tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014.
2	18/08/2015	Soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm, tình hình triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.
3	20/01/2016	Xem xét tình hình thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2015.



- ◆ Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp quản trị do Hội đồng quản trị chủ trì;
- ◆ Giám sát việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã giao cho Ban Giám đốc;
- ◆ Tham mưu, hỗ trợ Ban Giám đốc các vấn đề phát sinh suốt năm 2015;
- ◆ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm nhằm bảo đảm lợi ích của Cổ đông Công ty;
- ◆ Thẩm định Báo cáo tài chính các kỳ trong năm.

Định hướng hoạt động năm 2016

- ◆ Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định liên quan khác;
- ◆ Thẩm định Báo cáo hoạt động của Công ty hàng quý, 6 tháng và năm theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;
- ◆ Tiếp tục là kênh tham mưu, hỗ trợ Ban Giám đốc Công ty trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh.

BÁO CÁO

TÀI CHÍNH



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 24 tháng 2 năm 2016. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đề cập ở Thuyết minh số 6 của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn chưa ghi nhận các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt ("thuế TTĐB") phải nộp bổ sung cho các năm 2013, 2014 và 2015 như một khoản chi phí thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất mà chỉ ghi nhận khoản thuế TTĐB đã nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước ("NSNN") tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như một khoản phải thu ngắn hạn khác từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ. Nếu Tập đoàn ghi nhận các khoản thuế TTĐB này như một khoản chi phí thuế thì lợi nhuận trước thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 56.902.019.419 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 131.508.005.554 Đồng, số dư khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 131.508.005.554 Đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Lại Hùng Phương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2432-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM4999
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2016

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại- Thuyết minh 37)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		264.638.705.123	323.664.922.851
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.302.904.834	143.087.347.918
111	Tiền		1.302.904.834	487.347.918
112	Các khoản tương đương tiền		-	142.600.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		201.197.676.972	85.604.683.465
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	65.951.048.070	72.602.460.217
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.514.069.884	10.137.865.991
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	134.380.559.018	3.512.357.257
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(648.000.000)	(648.000.000)
140	Hàng tồn kho	7	61.518.993.613	94.016.731.594
141	Hàng tồn kho		61.518.993.613	94.016.731.594
150	Tài sản ngắn hạn khác		619.129.704	956.159.874
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		619.129.704	924.520.968
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	31.638.906
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		853.178.185.048	878.968.472.490
210	Các khoản phải thu dài hạn		3.000.000	3.000.000
216	Phải thu dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
220	Tài sản cố định		761.288.641.076	514.949.156.565
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	761.288.641.076	512.131.264.501
222	Nguyên giá		1.001.309.288.820	682.521.716.438
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(240.020.647.744)	(170.390.451.937)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	-	2.817.892.064
228	Nguyên giá		73.881.710	3.677.163.142
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(73.881.710)	(859.271.078)
240	Tài sản dở dang dài hạn		255.396.236	283.651.440.259
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	255.396.236	283.651.440.259
250	Đầu tư tài chính dài hạn	10	52.735.907.401	55.824.508.830
252	Đầu tư vào công ty liên kết		40.480.720.601	36.569.322.030
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.255.186.800	19.255.186.800
260	Tài sản dài hạn khác		38.895.240.335	24.540.366.836
261	Chi phí trả trước dài hạn	11	35.690.639.102	20.443.708.948
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		3.204.601.233	4.096.657.888
270	TỔNG TÀI SẢN		1.117.816.890.171	1.202.633.395.341

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2015 VNĐ	2014 VNĐ
				(Trình bày lại- Thuyết minh 37)
300	NỢ PHẢI TRẢ		657.915.474.874	785.590.580.533
310	Nợ ngắn hạn		412.120.021.749	432.966.251.343
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	102.736.782.597	131.086.828.410
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		36.448.700	-
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	75.840.105.319	233.702.064.317
314	Phải trả người lao động	14	11.171.539.154	7.563.666.270
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	7.087.687.356	23.627.336.727
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	4.455.374.835	15.760.104.384
320	Vay ngắn hạn	17(a)	197.469.396.293	13.000.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	13.322.687.495	8.226.251.235
330	Nợ dài hạn		245.795.453.125	352.624.329.190
337	Phải trả dài hạn khác		234.000.000	266.000.000
338	Vay dài hạn	17(b)	245.500.000.000	352.358.329.190
342	Dự phòng phải trả dài hạn		61.453.125	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		459.901.415.297	417.042.814.808
410	Vốn chủ sở hữu		459.901.415.297	417.042.814.808
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	145.000.000.000	145.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		145.000.000.000	145.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	204.940.923.641	184.283.322.027
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	109.960.491.656	87.759.492.781
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		49.355.958.191	26.627.562.249
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		60.604.533.465	61.131.930.532
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.117.816.890.171	1.202.633.395.341


Dương Thị Thúy Hồng
Người lập


Trần Thị Loan Anh
Kế toán trưởng




Phạm Đình Hùng
Giám đốc
Ngày 24 tháng 2 năm 2016


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

Mẫu số B 02 – DN/ HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2015 VND	2014 VND (Trình bày lại- Thuyết minh 37)	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	826.048.957.427	759.701.523.601
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	(183.765.140)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		826.048.957.427	759.517.758.461
11	Giá vốn hàng bán	22	(677.769.852.669)	(622.804.471.110)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		148.279.104.758	136.713.287.351
21	Doanh thu hoạt động tài chính	23	3.941.698.470	4.405.827.002
22	Chi phí tài chính	24	(27.041.604.822)	(20.335.002.727)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(25.194.577.774)	(20.548.947.064)
24	Phần lãi trong công ty liên kết	11	8.315.798.571	6.258.434.845
25	Chi phí bán hàng		(119.911.247)	(3.435.136.457)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(31.511.931.794)	(22.080.204.787)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		101.863.153.936	101.527.205.227
31	Thu nhập khác		2.403.847.126	4.455.923.028
32	Chi phí khác		(313.059.546)	(697.347.586)
40	Lợi nhuận khác		2.090.787.580	3.758.575.442
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		103.953.941.516	105.285.780.669
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(8.486.709.606)	(8.286.536.069)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		95.467.231.910	96.999.244.600
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	5.714	5.735


 Dương Thị Thúy Hồng
 Người lập


 Trần Thị Loan Anh
 Kế toán trưởng




 Phạm Đình Hùng
 Giám đốc
 Ngày 24 tháng 2 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2015 VNĐ	2014 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	103.953.941.516	105.285.780.669
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	9(a), 9(b) 69.970.809.824	46.513.079.073
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng	-	(400.000.000)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(5.224.527.455)	(14.311.727.786)
06	Chi phí lãi vay	24 25.194.577.774	20.548.947.064
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	193.894.801.659	157.636.079.020
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(117.167.230.518)	6.342.591.835
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	33.188.875.977	(13.646.432.793)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(193.963.907.291)	176.678.807.208
12	(Tăng)/giảm các chi phí trả trước	(11.200.072.969)	13.760.151.999
13	Tiền lãi vay đã trả	(26.457.781.628)	(24.780.766.923)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(11.539.320.783)	(7.891.049.004)
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(11.262.195.161)	(10.819.089.044)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(144.506.830.714)	297.280.292.298
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(43.059.009.245)	(325.324.031.078)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	7.057.237.295
24	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.400.000.000	-
27	Thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia	6.822.488.297	7.758.240.991
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(28.836.520.948)	(310.508.552.792)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	141.469.396.293	156.645.074.900
34	Chi trả nợ gốc vay	(63.858.329.190)	(54.480.559.438)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	(46.052.158.525)	(28.469.347.825)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	31.558.908.578	73.695.167.637
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(141.784.443.084)	60.466.907.143
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 143.087.347.918	82.620.440.775
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 1.302.904.834	143.087.347.918


Dương Thị Thúy Hồng
Người lập


Trần Thị Loan Anh
Kế toán trưởng




Phạm Đình Hùng
Giám đốc
Ngày 24 tháng 2 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005. Tại ngày 6 tháng 6 năm 2006, theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ đổi tên thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây (“Công ty”) trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Cần Thơ và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóc Trăng. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất của Công ty, lần thứ 5, ngày 16 tháng 9 năm 2008, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, sản xuất đồ uống không cồn; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu; kinh doanh địa ốc, kinh doanh nhà hàng, văn phòng, nhà kho, bãi; chế biến kinh doanh thức ăn gia súc; nuôi trồng thủy hải sản; kinh doanh vật tư nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành sản xuất bia, nước giải khát; vận tải đường bộ; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

Công ty có một công ty con và một công ty liên kết như sau.

STT	Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	% quyền sở hữu và % quyền biểu quyết	
				2015	2014
Công ty con					
1	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Lô S, Khu công nghiệp An Nghiệp xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát	100	100
Công ty liên kết					
2	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát	20	20

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 289 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 290 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") - *Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp* thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ("Quyết định 15") ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") - *Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất* thay thế hướng dẫn về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trong Phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Sau đây là các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn được áp dụng phi hồi tố theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ - Thuyết minh 2.5.

Theo Quyết định 15, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán.

Mặt khác, theo Thông tư 200, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản ngoại tệ.

- Đầu tư - Thuyết minh 10.

Theo Thông tư 200, Tập đoàn phải thuyết minh giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý thì Tập đoàn cần thuyết minh trình bày lý do.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng (tiếp theo)

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu - Thuyết minh 28.

Theo Quyết định 15, Tập đoàn phải tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo các khoản lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Tuy nhiên, theo Thông tư 200 lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách dùng lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (từ số) chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay theo Thông tư 200 và Thông tư 202. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 37.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Hợp nhất báo cáo

Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - *Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con*.

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty và công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phân chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VNĐ" hoặc "Đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.10 Đầu tư tài chính dài hạn**(a) Đầu tư vào các công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5-38 năm
Máy móc thiết bị	5-15 năm
Phương tiện vận tải	6-10 năm
Thiết bị văn phòng	3-10 năm
TSCĐ vô hình khác	3 năm

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 49 năm phù hợp với Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25 tháng 8 năm 2004.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là tiền thuê đất trả trước; công cụ, dụng cụ; và bao bì đã đưa vào sử dụng. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn phân bổ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

2.16 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu bao gồm:

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty còn lại sau khi trích lập các quỹ tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phương pháp trích lập các quỹ

(a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ này đã được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Phương pháp trích lập các quỹ (tiếp theo)

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

(c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong giai đoạn Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.27 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Tiền mặt	329.675.218	174.596.645
Tiền gửi ngân hàng	973.229.616	312.751.273
Các khoản tương đương tiền (*)	-	142.600.000.000
	<u>1.302.904.834</u>	<u>143.087.347.918</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu dưới 3 tháng.

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Bên thứ ba	179.288.750	105.696.762
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	65.771.759.320	72.496.763.455
	<u>65.951.048.070</u>	<u>72.602.460.217</u>

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Bên thứ ba (*)	1.362.629.665	10.052.890.991
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	151.440.219	84.975.000
	<u>1.514.069.884</u>	<u>10.137.865.991</u>

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Chủ yếu bao gồm các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Công ty TNHH Việt Phong	648.000.000	648.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tư vấn, Thiết kế, Đầu tư và Xây dựng Công trình Giao thông Đạt Hiệp Thành	-	617.985.419
Công ty TNHH Xây Dựng Trí Việt	-	5.454.030.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng T&C	-	1.431.911.500
Công ty TNHH Xây Dựng Thương mại Nền Móng Số 1	-	860.323.953
	<u>648.000.000</u>	<u>20.742.210.472</u>

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại)
Cổ tức và lợi nhuận được chia từ bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	2.002.000.000	1.601.600.000
Phải thu từ người lao động	856.023.839	1.363.732.105
Khoản chi hộ cho bên liên quan (*) (Thuyết minh 34(b))	131.508.005.554	-
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	-	53.521.280
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	5.000.000
Cho các bên liên quan mượn vật tư (Thuyết minh 34(b))	-	92.411.700
Lãi tiền gửi	-	180.037.500
Khác	9.529.625	216.054.672
	<u>134.380.559.018</u>	<u>3.512.357.257</u>

(*) Theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước và Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính, Tập đoàn phải nộp bổ sung thuế tiêu thụ đặc biệt ("thuế TTĐB") vào Ngân sách Nhà nước ("NSNN") với số tiền 24.841.512.278 Đồng cho năm 2013; 89.209.702.773 Đồng cho năm 2014 và 9 tháng đầu năm 2015. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cũng ước tính thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho 3 tháng cuối năm 2015 là 17.456.790.503 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã nộp 131.508.005.554 Đồng tiền thuế TTĐB bổ sung vào NSNN. Theo quan điểm của Ban Giám đốc, toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho năm 2013, 2014 và 2015 sẽ được Tổng Công ty Cổ phần - Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ, hoàn trả. Do đó, Ban Giám đốc chưa ghi nhận các khoản thuế TTĐB phải nộp bổ sung này như một khoản chi phí thuế vào báo cáo tài chính hợp nhất mà chỉ ghi nhận khoản thuế TTĐB đã nộp bổ sung vào NSNN tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như một khoản phải thu ngắn hạn khác từ công ty mẹ. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty chưa nhận được quyết định chính thức từ công ty mẹ liệu rằng trách nhiệm nộp bổ sung các khoản thuế này sẽ do công ty mẹ hay Tập đoàn chịu.

7 HÀNG TỒN KHO

	2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại)
Hàng đang đi trên đường	785.305.600	1.590.546.831
Nguyên vật liệu tồn kho	19.534.844.577	36.510.364.284
Công cụ, dụng cụ trong kho	7.172.782.240	17.548.023.208
Chi phí SXKD dở dang	20.347.410.280	25.542.293.255
Thành phẩm tồn kho	13.671.650.916	12.825.504.016
Hàng hóa	7.000.000	-
	<u>61.518.993.613</u>	<u>94.016.731.594</u>

Tập đoàn không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng vào cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

Mẫu số B 09 – DN/ HN

8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	145.165.220.032	516.194.554.415	10.788.204.611	10.373.737.380	682.521.716.438	
Mua trong năm	181.490.364	1.049.807.413		585.772.727	1.817.070.504	
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 9)	42.710.735.258	275.319.850.884	700.000	888.996.144	318.920.282.286	
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 11)	(123.574.959)	-	-	-	(123.574.959)	
Phân loại lại	(513.809.538)	513.809.538	-	-	-	
Giảm khác	(628.170.387)	(764.584.816)	(510.805)	(432.939.441)	(1.826.205.449)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	186.791.890.770	792.313.437.434	10.788.393.806	11.415.566.810	1.001.309.288.820	
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	22.215.684.518	137.448.608.944	5.903.009.356	4.823.149.119	170.390.451.937	
Khấu hao trong năm	9.509.323.220	58.245.996.580	1.070.259.721	1.063.983.127	69.889.562.648	
Giảm khác	(119.834.969)	-	-	(139.531.872)	(259.366.841)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	31.605.172.769	195.694.605.524	6.973.269.077	5.747.600.374	240.020.647.744	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	122.949.535.514	378.745.945.471	4.885.195.255	5.550.588.261	512.131.264.501	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	155.186.718.001	596.618.831.910	3.815.124.729	5.667.966.436	761.288.641.076	

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình hình thành từ dự án Nhà Máy Bia Sài Gòn Sóc Trăng và dự án đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ đạt 50 triệu lít/năm được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn với ngân hàng (Thuyết minh 17(b)).

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 60.846.955.261 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 55.288.871.830 Đồng).

9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

Những công trình lớn được trình bày như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Dự án dây chuyền chiết chai ở công ty con	-	10.908.780.832
Dự án đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn		
- Cần Thơ đạt 50 triệu lít	-	270.496.074.083
Khác	255.396.236	2.246.585.344
	<u>255.396.236</u>	<u>283.651.440.259</u>

10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>2015</u>		<u>2014</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết (i)	40.480.720.601	-	36.569.322.030	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (ii)	12.255.186.800	-	19.255.186.800	-
	<u>52.735.907.401</u>	<u>-</u>	<u>55.824.508.830</u>	<u>-</u>

(i) Biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	36.569.322.030	33.514.087.185
Phần lãi trong công ty liên kết	8.315.798.571	6.258.434.845
Cổ tức được chia	(4.404.400.000)	(3.203.200.000)
Số dư cuối năm	<u>40.480.720.601</u>	<u>36.569.322.030</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

Mẫu số B 09 – DN/ HN

10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(ii) Chi tiết đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

Công ty	Hoạt động chính	2015		2014			
		Số lượng cổ phiếu	Giá gốc (*) VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc (*) VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Quyền sở hữu và biểu quyết %
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải khát Sài Gòn – Tây Đô	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát	2.002.000	10.100.000.000	1.010.000	10.100.000.000	9,71%	9,71%
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	Kinh doanh khách sạn, du lịch, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh các thiết bị phụ tùng công nghiệp, kinh doanh gas, kinh doanh các loại xe cơ giới, máy xây dựng, xe máy, kinh doanh sắt thép và vật liệu xây dựng, kinh doanh phân bón, kinh doanh thương mại, hàng hoá dùng cho sản xuất và tiêu dung, sản xuất nước giải khát có gas và chế biến thực phẩm phục vụ du lịch	145.060	2.155.186.800	145.060	2.155.186.800	1,28%	1,28%
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì	-	-	100.000	7.000.000.000	-	0,02%
			<u>12.255.186.800</u>		<u>19.255.186.800</u>		

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Tập đoàn không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này vì đây là các khoản đầu tư tài chính dài hạn không niêm yết trên thị trường chứng khoán.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Công cụ, dụng cụ	386.875.018	-
Bao bì luân chuyển (i)	17.004.316.329	4.272.835.530
Tiền thuê đất (ii)	11.564.322.308	12.137.701.952
Khác	6.735.125.447	4.033.171.466
	<u>35.690.639.102</u>	<u>20.443.708.948</u>

- (i) Nguyên giá bao bì luân chuyển được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.
- (ii) Tiền thuê đất trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời hạn thuê đất.

Biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	20.443.708.948	30.770.043.002
Mua mới	28.625.058.142	8.451.463.935
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản (Thuyết minh 9)	3.586.237.545	2.346.212.188
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8(a))	123.574.959	390.432.943
Phân bổ trong năm	<u>(17.087.940.492)</u>	<u>(21.514.443.120)</u>
Số dư cuối năm	<u>35.690.639.102</u>	<u>20.443.708.948</u>

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Bên thứ ba (*)	7.859.891.856	30.562.398.783
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	94.876.890.741	100.524.429.627
	<u>102.736.782.597</u>	<u>131.086.828.410</u>

(*) Chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	-	9.242.507.465
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp và Xây dựng Việt Úc	-	6.294.339.550
	<u>-</u>	<u>15.536.847.015</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có khả năng thanh toán tất cả các khoản phải trả người bán ngắn hạn nêu trên và Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2014 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	2015 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	18.363.662.297	85.182.395.834	(96.386.758.533)	7.159.299.598
Thuế tiêu thụ đặc biệt (*)	209.454.064.406	633.851.695.461	(778.131.688.272)	65.174.071.595
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	5.702.992.644	8.486.709.606	(11.539.320.783)	2.650.381.467
Thuế thu nhập cá nhân	177.159.770	1.879.017.216	(1.891.943.960)	164.233.026
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	938.869.852	(528.860.019)	410.009.833
Thuế tài nguyên	4.185.200	37.643.600	(39.719.000)	2.109.800
Các khoản phải nộp Nhà nước khác	-	289.000.000	(9.000.000)	280.000.000
	<u>233.702.064.317</u>	<u>730.665.331.569</u>	<u>(888.527.290.567)</u>	<u>75.840.105.319</u>

(*) Như nêu tại Thuyết minh 6, Tập đoàn đã nộp bổ sung khoản thuế tiêu thụ đặc biệt ("thuế TTĐB") vào Ngân sách Nhà nước cho năm 2013, năm 2014 và năm 2015 với tổng số tiền là 131.508.005.554 Đồng.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, phải trả người lao động thể hiện khoản tiền lương tháng 12, tiền lương tháng 13, và các khoản tiền thưởng phải trả cho người lao động.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2015 VND	2014 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	59.400.000	16.713.573.200
Chi phí vận chuyển	5.200.000	816.813.000
Chi phí lãi vay	3.365.229.125	4.628.432.979
Chi phí trích trước trợ cấp mất việc làm (*)	1.775.341.250	-
Khác	1.882.516.981	1.468.517.548
	<u>7.087.687.356</u>	<u>23.627.336.727</u>

(*) Theo quyết định tái cơ cấu hoạt động sản xuất, Tập đoàn đã ngừng hoạt động Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng vào cuối năm 2015. Theo đó, Tập đoàn thực hiện trích lập các khoản chi phí phát sinh liên quan tới việc đóng cửa nhà máy sản xuất này trong đó có trợ cấp mất việc làm phải trả cho người lao động.

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Kinh phí công đoàn	-	20.147.790
Bảo hiểm xã hội	10.574.595	25.338.900
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	-
Cổ tức phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	-	11.000.000.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông khác	4.360.805.073	3.820.602.073
Khác	78.995.167	894.015.621
	<u>4.455.374.835</u>	<u>15.760.104.384</u>

17 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2015 VNĐ	Trong năm		Tại ngày 31.12.2015 VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	
Vay ngân hàng (*)	-	580.831.193.803	(426.361.797.510)	154.469.396.293
Vay dài hạn đến hạn trả	13.000.000.000	43.000.000.000	(13.000.000.000)	43.000.000.000
	<u>13.000.000.000</u>	<u>623.831.193.803</u>	<u>(439.361.797.510)</u>	<u>197.469.396.293</u>

(*) Vay ngân hàng bao gồm các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4, Tp. Hồ Chí Minh với hạn mức cho vay là 170.000.000.000 Đồng, chịu lãi suất từ 4,5% - 5,5%/năm và với hạn mức tín dụng là 110.000.000.000 Đồng, chịu lãi suất thả nổi bằng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước ban hành cộng biên độ 3,5%/năm và được điều chỉnh mỗi tháng. Khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động cho Tập đoàn, được Tổng Công ty Cổ phần - Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ bảo lãnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

Mẫu số B 09 – DN/ HN

17 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn

	Tại ngày 1.1.2015 VNĐ	Trong năm		Vay dài hạn đến hạn trả VNĐ	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
Vay ngân hàng	352.358.329.190	-	(63.858.329.190)	(43.000.000.000)	245.500.000.000

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay số	Thời điểm giải ngân	Thời hạn thanh toán	Hạn mức tín dụng VNĐ	Lãi suất/năm %	2015	2014
					VNĐ	VNĐ
1	Tháng 5 năm 2014	Tháng 5 năm 2020	200.000.000.000	7%	60.000.000.000	136.858.329.190
2	Tháng 10 năm 2012	Tháng 10 năm 2021	450.000.000.000	7,5%	185.500.000.000	215.500.000.000
					245.500.000.000	352.358.329.190

Các khoản vay đều có thời gian ân hạn chi trả lãi vay là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các khoản vay trên được dùng để đầu tư cho dự án đầu tư đồng bộ hóa Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít/năm và dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng và có tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 8(a)).

18 QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số đầu năm	8.226.251.235	(681.988.870)
Trích lập thêm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*) (Thuyết minh 20)	12.614.622.715	19.209.345.941
Tăng khác	-	517.983.208
Điều chỉnh trong năm (Thuyết minh 20)	3.744.008.706	-
Chi trả trong năm	(11.262.195.161)	(10.819.089.044)
Số cuối năm	<u>13.322.687.495</u>	<u>8.226.251.235</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản trích lập thêm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm số trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2013 với số tiền là 9.117.517.424 Đồng.

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2015 Cổ phiếu phổ thông	2014 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	14.500.000	14.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>14.500.000</u>	<u>14.500.000</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2015		2014	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	7.395.000	51	7.395.000	51
Vốn góp của các đối tượng khác	7.105.000	49	7.105.000	49
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>14.500.000</u>	<u>100</u>	<u>14.500.000</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>14.500.000</u>	<u>145.000.000.000</u>	<u>145.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

Mẫu số B 09 – DN/ HN

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ (Trình bày lại)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	145.000.000.000	141.644.448.431	85.958.467.718	372.602.916.149
Lợi nhuận trong năm	-	-	96.999.244.600	96.999.244.600
Trích lập quỹ đầu tư phát triển cho năm 2013 và năm 2014	-	42.638.873.596	(42.638.873.596)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2014 và năm 2013 (Thuyết minh 18)	-	-	(19.209.345.941)	(19.209.345.941)
Chia cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(33.350.000.000)	(33.350.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)	145.000.000.000	184.283.322.027	87.759.492.781	417.042.814.808
Lợi nhuận trong năm	-	-	95.467.231.910	95.467.231.910
Chia cổ tức (*) (Thuyết minh 29)	-	-	(36.250.000.000)	(36.250.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển cho năm 2015	-	22.248.075.730	(22.248.075.730)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2015 (Thuyết minh 18)	-	-	(12.614.622.715)	(12.614.622.715)
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển trích trong năm 2014	-	(1.590.474.116)	1.590.474.116	-
Điều chỉnh quỹ đầu tư khen thưởng, phúc lợi trích trong năm 2014 (Thuyết minh 18)	-	-	(3.744.008.706)	(3.744.008.706)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	145.000.000.000	204.940.923.641	109.960.491.656	459.901.415.297

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-ĐHCD ngày 20 tháng 4 năm 2015, Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 25% mệnh giá (tương đương với 36.250.000.000 Đồng). Công ty đã chi quyết toán cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2015.

Tập đoàn căn cứ theo Nghị quyết họp Đại Hội đồng Cổ đông hàng năm để thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và công ty con. Số trích lập của năm 2015 có thể được điều chỉnh theo kết quả họp Đại Hội đồng Cổ đông vào đầu năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

Mẫu số B 09 – DN/ HN

21 DOANH THU

	2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại)
Doanh thu bán hàng	813.653.995.088	749.424.578.147
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.934.746.455	617.279.158
Doanh thu khác	10.460.215.884	9.659.666.296
	<u>826.048.957.427</u>	<u>759.701.523.601</u>

22 GIÁ VỐN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Giá vốn thành phẩm đã bán	675.338.095.196	620.236.703.595
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.506.773.919	1.244.948.436
Giá vốn khác	924.983.554	1.322.819.079
	<u>677.769.852.669</u>	<u>622.804.471.110</u>

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lãi tiền gửi	613.993.069	2.767.309.002
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.818.488.297	1.638.518.000
Lợi nhuận chuyển nhượng các khoản đầu tư	400.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	109.217.104	-
	<u>3.941.698.470</u>	<u>4.405.827.002</u>

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lãi tiền vay	25.194.577.774	20.548.947.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.795.912.728	146.055.663
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	(400.000.000)
Khác	51.114.320	40.000.000
	<u>27.041.604.822</u>	<u>20.335.002.727</u>

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nhân viên	12.680.398.384	11.457.027.561
Chi phí vật liệu	378.848.410	781.966.733
Khấu hao tài sản cố định	4.265.382.145	1.566.839.268
Chi phí công tác, giao tế và họp hội	5.159.700.182	1.866.874.318
Khác	9.027.602.673	6.407.496.907
	<u>31.511.931.794</u>	<u>22.080.204.787</u>

26 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	517.594.644.759	507.131.254.291
Chi phí nhân công	55.821.356.465	51.970.875.064
Chi phí khấu hao TSCĐ	71.361.500.848	46.513.079.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.783.863.979	27.854.778.302
Các chi phí khác bằng tiền	24.070.397.137	17.138.168.720
	<u>702.631.763.188</u>	<u>650.608.155.450</u>

27 THUẾ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây

Công ty được hưởng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp ưu đãi theo theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005 và Công văn số 9024/BTC-CST ngày 18 tháng 7 năm 2005 như sau:

(a) Đối với hoạt động sản xuất chính:

Tại Nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ: Tập đoàn được hưởng thuế suất ưu đãi 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (2005 – 2016), được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005 – 2007) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo (2008 – 2014).

Tại Nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng: Tập đoàn được hưởng thuế suất ưu đãi 20% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (2005 – 2014), được miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005 – 2006) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo (2007 – 2013).

(b) Đối với hoạt động dịch vụ trong khu công nghiệp:

Tập đoàn được hưởng mức thuế suất 20% trong 10 năm kể từ khi hoạt động (2005 – 2014), được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005 – 2006) và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo (2007 – 2013).

27 THUẾ (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công Nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2014), giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành được thể hiện như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	103.953.941.516	105.285.780.669
Thuế tính ở thuế suất 10%	5.223.493.761	4.712.661.208
Thuế tính ở thuế suất 15%	2.030.789.868	2.493.279.050
Thuế tính ở thuế suất 20%	-	5.740.496.916
Thuế tính ở thuế suất 22%	22.133.241.602	2.151.509.542
Điều chỉnh:		
Giảm trừ 50% của thuế tính ở thuế suất 15%	-	(1.301.151.007)
Thu nhập không chịu thuế	(16.112.175.641)	(1.065.177.960)
Chi phí không được khấu trừ	295.510.180	999.029.168
Dự phòng thiếu của năm trước	185.762.697	-
Ưu đãi thuế	(5.269.912.861)	(5.444.110.848)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>8.486.709.606</u>	<u>8.286.536.069</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	82.852.609.195	83.163.407.377
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	14.500.000	14.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>5.714</u>	<u>5.735</u>

29 CỎ TỨC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	14.820.602.073	10.816.595.073
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 20)	36.250.000.000	33.350.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(46.052.158.525)	(28.469.617.825)
Giảm khác	(657.638.475)	(876.375.175)
Số dư cuối năm	<u>4.360.805.073</u>	<u>14.820.602.073</u>

30 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	2015	2014
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VNĐ) (*)	6.086.652.000	-
Ngoại tệ (USD)	-	224,45
	<u>6.086.652.000</u>	<u>224,45</u>

(*) Chi tiết được trình bày như sau:

Loại hàng	Đơn vị	2015		2014	
		Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
Bia lon	Thùng	6.300	873.432.000	-	-
Bia chai	Két	67.250	5.213.220.000	-	-
		<u>73.550</u>	<u>6.086.652.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tất cả các loại hàng hóa trên đều có chất lượng tốt và được Tập đoàn bảo quản ở khu vực riêng.

31 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính duy nhất của Tập đoàn là sản xuất và phân phối bia, do đó Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

32 BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT trong tương lai**

	2015 VND	2014 VND
Kết chuyển nợ vay dài hạn tới hạn trả từ vay dài hạn	43.000.000.000	13.000.000.000
Kết chuyển chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang tài sản cố định hữu hình	318.920.282.286	469.922.869.882
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.590.474.116)	-
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.744.008.706	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.248.075.730	42.638.873.596
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>12.614.622.715</u>	<u>19.209.345.941</u>

(b) Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, không có các khoản tiền và tương đương tiền lớn do Tập đoàn nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà Tập đoàn phải thực hiện.

(c) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	2015 VND	2014 VND
Vay theo kế ước thông thường	<u>580.831.193.803</u>	<u>156.645.074.900</u>

(d) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	2015 VND	2014 VND
Vay theo kế ước thông thường	<u>503.220.126.700</u>	<u>54.480.559.438</u>

33 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Tập đoàn có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung, các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn không chịu rủi ro tiền tệ do tài sản và nợ tài chính có số dư bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là không đáng kể.

(ii) Rủi ro giá

Trong năm, Tập đoàn không chịu rủi ro về giá do Tập đoàn không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Tập đoàn cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

(iii) Rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nếu lãi suất VNĐ tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn 2.713.162.093 Đồng do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của Tập đoàn là thấp vì trong năm Tập đoàn chủ yếu giao dịch bán hàng với Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại Bia Sài Gòn, một công ty liên quan được sở hữu 100% vốn điều lệ bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Bia Sài Gòn.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng.

33 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 năm trở lên VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	107.192.157.432	233.999.999	-
Chi phí phải trả	7.087.687.356	-	-
Các khoản vay	197.469.396.293	72.000.000.000	173.500.000.000
	<u>311.749.241.081</u>	<u>72.233.999.999</u>	<u>173.500.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	146.846.932.794	266.000.000	-
Chi phí phải trả	23.627.336.727	-	-
Các khoản vay	13.000.000.000	60.412.962.042	291.945.367.148
	<u>183.474.269.521</u>	<u>60.678.962.042</u>	<u>291.945.367.148</u>

34 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tập đoàn được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ Phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn do chiếm 51% vốn cổ phần của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT và thuế TTĐB)		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.505.376.368.294	1.371.316.789.161
Tổng Công ty Bia - Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	857.540.750	-
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	92.117.300	119.681.100
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	230.819.901	605.895.642
Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	18.827.600	56.474.090
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	137.005.190	200.369.353
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	-	25.606.000
	<u>1.506.712.679.035</u>	<u>1.372.324.815.346</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

Mẫu số B 09 – DN/ HN

34 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ (đã bao gồm thuế VAT)		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại Bia Sài Gòn	2.112.000.000	19.025.782.014
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	439.123.422.177	437.947.732.871
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương Thực Thực Phẩm Sabeco	8.727.768.500	-
Công ty Cổ phần Vận tải & Giao nhận Bia Sài Gòn	959.339.902	466.768.500
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ Khí Sabeco	325.787.640	2.695.342.000
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	84.975.000	509.850.000
Công ty Cổ Phần Thương mại Bia Sài Gòn - Sông Hậu	780.647.274	667.500.620
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	1.008.790.147	-
Công ty Cổ Phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	47.452.648	176.752.917
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý	187.000.009	-
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	32.032.009	-
	<u>453.389.215.306</u>	<u>461.489.728.922</u>
iii) Bán tài sản cố định		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	-	2.905.000.000
iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>2.895.931.557</u>	<u>2.287.369.802</u>

34 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2015 VND	2014 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	65.736.738.540	72.432.700.375
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	-	32.748.650
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	23.811.458	17.751.454
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	11.209.322	7.247.326
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Sabeco	-	6.315.650
	<u>65.771.759.320</u>	<u>72.496.763.455</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	-	84.975.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	151.440.219	-
	<u>151.440.219</u>	<u>84.975.000</u>
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)		
<i>Khoản chi hộ thuế tiêu thụ đặc biệt</i>		
Tổng công ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	131.508.005.554	-
<i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.002.000.000	1.601.600.000
<i>Cho các bên liên quan mượn vật tư</i>		
Công ty Cổ Phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	-	72.081.126
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	20.330.574
	<u>-</u>	<u>92.411.700</u>
<i>Phải thu khác</i>		
Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	-	53.521.280

34 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	94.765.636.941	100.057.661.127
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	27.096.300	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam	84.157.500	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	-	466.768.500
	<u>94.876.890.741</u>	<u>100.524.429.627</u>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	-	11.000.000.000

35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Dưới 1 năm	358.668.800	358.669.400
Từ 1 đến 5 năm	1.434.675.200	1.434.677.600
Trên 5 năm	15.064.089.600	15.422.758.400
	<u>16.857.433.600</u>	<u>17.216.105.400</u>

36 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	-	70.332.886.136

37 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay theo yêu cầu của Thông tư 200 như sau:

- (a) Ảnh hưởng việc trình bày lại trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Mã số	Chi tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014		
		Theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại VND	Số liệu trình bày lại VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	327.761.580.739	(4.096.657.888)	323.664.922.851
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	84.205.951.360	1.398.732.105	85.604.683.465
136	Phải thu ngắn hạn khác	2.113.625.152	1.398.732.105	3.512.357.257
140	Hàng tồn kho	98.113.389.482	(4.096.657.888)	94.016.731.594
141	Hàng tồn kho	98.113.389.482	(4.096.657.888)	94.016.731.594
150	Tài sản ngắn hạn khác	2.354.891.979	(1.398.732.105)	956.159.874
155	Tài sản ngắn hạn khác	1.398.732.105	(1.398.732.105)	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	874.871.814.602	4.096.657.888	878.968.472.490
210	Các khoản phải thu dài hạn	-	3.000.000	3.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	-	3.000.000	3.000.000
260	Tài sản dài hạn khác	20.446.708.948	4.093.657.888	24.540.366.836
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	4.096.657.888	4.096.657.888
268	Tài sản dài hạn khác	3.000.000	(3.000.000)	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	417.042.814.808	-	417.042.814.808
418	Quỹ đầu tư phát triển	169.783.322.027	14.500.000.000	184.283.322.027
	Quỹ dự phòng tài chính	14.500.000.000	(14.500.000.000)	-

- (b) Ảnh hưởng việc trình bày lại trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Mã số	Chi tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
		Theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại VND	Số liệu trình bày lại VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.257.059.295.764	(497.357.772.163)	759.701.523.601
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(497.541.537.303)	497.357.772.163	-
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.690	(955)	5.735

38 NỢ TIỀM TÀNG

Theo hợp đồng thuê đất không hủy ngang giữa Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng ("công ty con") và Công ty Phát triển Hạ tầng khu công nghiệp Sóc Trăng, thuộc Lô S trong Khu Công nghiệp An Nghiệp, Tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất bia với thời hạn thuê là 49 năm từ ngày 20 tháng 12 năm 2010, trong đó có quy định rằng khi hợp đồng hết hiệu lực mà không được cấp có thẩm quyền cho phép thuê tiếp tục, công ty con phải tự xử lý, giải quyết thanh lý tài sản, vật kiến trúc của mình trên diện tích thuê, bàn giao mặt bằng cho Khu Công nghiệp trong vòng 60 ngày. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 và Thông tư 200, công ty con phải lập dự phòng cho chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng khi kết thúc hợp đồng thuê. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Giám đốc không thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng do thời gian thuê kéo dài và có nhiều giả định không chắc chắn trong tương lai nên Tập đoàn chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ trên vào báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 24 tháng 2 năm 2016.



Dương Thị Thúy Hồng
Người lập





Trần Thị Loan Anh
Kế toán trưởng

Phạm Đình Hùng
Giám đốc



CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Phạm Đình Hùng